

BÀI 6: HỒ CHÍ MINH - “VĂN HOÁ PHẢI SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI”

(Đọc - 7 tiết; THTV – 1 tiết ;Viết - 2 tiết; Nói nghe - 2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực

- Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người; nhận biết và phân tích được quan điểm của tác giả về lịch sử, văn hoá được thể hiện trong văn bản.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kỹ năng tra cứu để sắp xếp một số tác giả, tác phẩm lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.
- Phân tích và đánh giá được hiệu quả của việc dùng biện pháp tu từ và cách diễn đạt thể hiện tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
- Viết được báo cáo bài tập dự án; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phân tài liệu tham khảo.
- Biết trình bày kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

2. Phẩm chất:

- Biết thể hiện lòng tôn kính đối với vị lãnh tụ vĩ đại của đất nước và có ý thức học tập, phấn đấu noi theo tấm gương sống vì dân, vì nước của Người.
- Biết trân trọng, bảo vệ và giữ gìn độc lập của Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- SGK, SGV.
- Máy tính, Máy chiếu, bảng, phấn, giấy A4, tranh, ảnh, video liên quan.
- Phiếu học tập, bảng kiểm, Rubric đánh giá.

2. Học liệu

- Tri thức Ngữ văn
- **Văn bản: Tác gia Hồ Chí Minh, Tuyên ngôn độc lập, Mộ (Chiều tối), Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng), Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu.**

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bảng tóm tắt tiến trình dạy học phần ĐỌC

Tiến trình - Thời gian thực hiện	Tổ chức thực hiện		
	Nội dung	Phương pháp/ kĩ thuật dạy học	Phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá

ĐỌC			
Tri thức Ngữ văn và đọc: Tác gia Hồ Chí Minh (1 tiết)			
Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)	Giới thiệu chủ đề bài học, tạo tâm thế cho HS tiếp thu bài học	HS xem video, đưa ra câu trả lời.	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (25 phút) 2.1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn (5 phút)	Tìm hiểu chung về quan điểm sáng tác; đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học.	Hoàn thành PHT Làm việc cá nhân	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)
2.2. Đọc, tìm hiểu chung về văn bản (5 phút)	Xác định bố cục, nội dung chính của văn bản	Làm việc cá nhân	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)
2.3. Khám phá văn bản (15 phút)	Tìm hiểu: - Sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh - Sự chi phối của quan điểm sáng tác đến các tác phẩm Người viết ra	Thảo luận cặp đôi	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)
Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)	Tại sao nói Hồ Chí Minh đã để lại cho hậu thế một di sản văn học lớn? Hãy lí giải nguyên nhân vì sao Hồ Chí Minh có phong cách nghệ thuật đa dạng.	Làm việc cá nhân Thảo luận cặp đôi	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)
Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)	Vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.	Làm việc cá nhân	Sản phẩm học tập (Bài viết của HS) Rubric đánh giá sản phẩm
Văn bản 2: Tuyên ngôn độc lập (Hồ Chí Minh) (2 tiết)			
Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)	Giới thiệu chủ đề bài học, tạo tâm thế cho HS tiếp thu bài học	HS xem video, đưa ra câu trả lời.	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (70 phút) 2.1. Đọc, tìm hiểu chung về văn bản	Tìm hiểu chung về văn bản: - Hoàn cảnh ra đời - Thể loại	HS làm việc cá nhân Hoàn thành PHT	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)

(10 phút)			
2.2. Khám phá văn bản (55 phút)	Tìm hiểu: -Mục đích, nội dung chính của văn bản. - Luận đề, luận điểm và lí lẽ, bằng chứng của văn bản. -Nghệ thuật lập luận của văn bản.	Thảo luận nhóm Hoàn thành PHT Thuyết trình	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS) Rubric đánh giá
2.3. Hướng dẫn HS Tổng kết (5 phút)	Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.	Thảo luận cặp đôi	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)
Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)	Giá trị lịch sử to lớn của <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> được thể hiện như thế nào? Em học được gì từ nghệ thuật viết văn chính luận của Hồ Chí Minh?	Làm việc cá nhân	Sản phẩm học tập (Bài viết của HS)
Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)	Vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.	Làm việc cá nhân	Sản phẩm học tập (Bài viết của HS) Rubric đánh giá

Tiết 55: TRI THỨC NGŨ VĂN VÀ ĐỌC TÁC GIA HỒ CHÍ MINH

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS xem video từ đầu đến 4,0 phút và nêu cảm xúc của em khi xem video. Em có cảm nhận như thế nào về Chủ tịch Hồ Chí Minh https://youtu.be/VxYc2QY1jU4?si=GQAv2ELxXKqrY6vc Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận. Nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhắc đến vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, người Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới. Nhắc đến Người, trong trái tim mỗi chúng ta dâng lên niềm xúc động, tự hào, biết ơn và niềm thành kính thiêng liêng vô	- Câu trả lời của HS: + Cảm xúc: xúc động, tự hào, khâm phục, ngưỡng mộ, ... về Bác. + Cảm nhận về Bác: là một con người giản dị, sống nghĩa tình, nhân hậu, chan chứa tình yêu đối với quê hương,

hạn. Bởi Người là một nhân cách vĩ đại, đúng như nhà thơ Tố Hữu từng viết: “Người là cha, là bác, là anh Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ” (Trích “Sáng tháng năm”) “...Bác để tình thương cho chúng con Một đời thanh bạch, chẳng vàng son Mong manh áo vải hồn muôn trượng Hơn tượng đồng phơi những lối mòn...” (Trích “Bác ơi!”) Người đã để lại cho chúng ta một gia tài văn chương đồ sộ, dù sinh thời Người không nhận mình là nhà thơ, nhà văn. Hôm nay, cô trò ta cùng tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Người để cảm nhận những giá trị tinh thần to lớn mà Người đã dành cho nhân dân như thế nào!	
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25 phút)

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

- a. Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về quan điểm sáng tác; đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học.
- b. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

PHT 01:

Tìm hiểu về quan điểm sáng tác và đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học

Điền từ còn thiếu vào dấu “...” trong các mục (1), (2), (3) và thực hiện yêu cầu ở mục (4):

- Là hệ thống ...**tư tưởng**..., nguyên tắc chi phối hoạt động sáng tác của nhà văn, do chính nhà văn xác định dựa trên những ..**trải nghiệm**.. đời sống và nghệ thuật của mình.
- Quan điểm sáng tác có thể được chính ..**nhà văn**..phát biểu một cách tường minh nhưng nhiều khi được..**độc giả**.. khái quát lên dựa vào sự ổn định trong cách nhà văn lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, bày tỏ thái độ trước đối tượng miêu tả và vận dụng các phương thức, phương tiện nghệ thuật.
- Khi đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học, cần huy động trải nghiệm, ..**kiến thức**.. nhiều mặt và phải dựa trên những tiêu chuẩn ...**thẩm mỹ**...,..**nhân văn**..., tư tưởng phù hợp. Điều quan trọng là biết đặt đối tượng vào đúng ..**bối cảnh sáng tác**..để nhận ra mức độ đóng góp của tác giả, tác phẩm đó cho đời sống và tiến trình văn học.
- Nêu một số ví dụ minh họa về quan điểm sáng tác của các nhà văn mà em biết.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS hoạt động cá nhân trong 2 phút. HS đọc mục tri thức Ngữ văn và hoàn thành PHT 01: Điền từ còn thiếu vào dấu “...” vào các mục (1), (2), (3) và thực hiện yêu cầu ở mục (4) trong PHT 01. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn 1. Quan điểm sáng tác - Là hệ thống tư tưởng, nguyên tắc chi phối hoạt động sáng tác của nhà văn, do chính nhà văn xác định dựa trên những trải nghiệm đời sống và nghệ thuật của mình. - Quan điểm sáng tác có thể được: + Chính nhà văn phát biểu một cách tường minh. + Độc giả khái quát lên dựa vào sự ổn định trong cách nhà văn lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, bày tỏ thái độ trước

HS đọc Tri thức Ngữ văn và hoàn thành PHT 01. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV mời 1 - 2 HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	đối tượng miêu tả và vận dụng các phương thức, phương tiện nghệ thuật - Đối với nhà văn cách mạng, quan điểm sáng tác thường được công bố công khai, gắn với sự lựa chọn một thái độ chính trị dứt khoát, do đặc điểm của thời đại cách mạng quy định. Chẳng hạn: - Quan điểm sáng tác của Nam Cao: + Ông theo quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh” ": “Nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, không cần là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than”. + Ông quan niệm: Tác phẩm "phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi; ca tụng tình yêu, bác ái, công bằng" và "Văn chương không cần đến sự khéo tay, làm theo một cái khuôn mẫu. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo ra cái gì chưa có”. - Quan điểm của Thạch Lam: Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực, nó tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của con người. Ông quan niệm: “Đối với tôi văn chương không phải là một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên, trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn". - Quan điểm của Hồ Chí Minh: + Hồ Chí Minh coi văn học là một vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng: mỗi nhà văn là một nhà chiến sĩ. + Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học + Khi cầm bút bao giờ Bác cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm. 3. Đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học Khi đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học, cần: + Huy động trải nghiệm, kiến thức nhiều mặt. + Dựa trên những tiêu chuẩn thẩm mỹ, nhân văn, tư tưởng phù hợp. + Đặt đối tượng vào đúng bối cảnh sáng tác.
--	--

2.2: Tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được những nét chung về văn bản: nội dung chính, bố cục,...

b. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
2.2. Tìm hiểu chung về văn bản. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, chú ý các mốc thời gian và các trích dẫn về tác phẩm của Hồ Chí Minh - Gọi một vài HS đọc theo từng đoạn/phần và tìm hiểu các chú thích SGK, giải thích các từ khó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức 2.2.2 Đọc, xác định bố cục và nội dung chính Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - Làm việc theo nhóm bàn - Đọc lướt văn bản, hoàn thiện PHT 02: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03 Tìm hiểu chung về văn bản + Dựa vào nhan đề cho biết văn bản đề cập đến vấn đề gì? + Các thông tin trong văn bản được thu thập/lấy từ các lĩnh vực nào? + Văn bản <i>Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – Cuộc đời và sự nghiệp</i> gồm mấy phần, mỗi phần giới thiệu cho người đọc nội dung gì? Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lướt SGK, đọc bảng kiến thức, suy nghĩ - GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.	II. TÌM HIỂU CHUNG Xác định bố cục, nội dung chính của văn bản - Nhan đề của văn bản nêu bật được nội dung chính mà VB đề cập: Những thông tin về tác gia Hồ Chí Minh - Các thông tin trong văn bản thuộc các lĩnh vực lịch sử, nghiên cứu và phê bình văn học... - Bố cục văn bản: Gồm 2 phần: Phần I – Tiểu sử Phần II – Sự nghiệp văn học.

2.3. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

– Chỉ ra được sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh, sự chi phối của quan niệm sáng tác đến các tác phẩm Người viết ra.

- Lí giải được tính đa dạng của di sản văn học Hồ Chí Minh, những điểm nổi bật trong phong cách nghệ thuật của Người.
- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để sưu tầm các bài viết về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh.

b. Nội dung:

Vấn đề 1. Sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh

+ Đọc văn bản *Tác gia Hồ Chí Minh*, hoàn thiện phiếu học tập; đưa ra nhận xét về mối quan hệ giữa sự nghiệp văn học và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh.

III. Khám phá văn bản

+ Phần I – Tiểu sử

- ++ Những sự kiện nổi bật, quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của tác gia Hồ chí Minh
- ++ Đánh giá khái quát về Hồ Chí Minh.

+ Phần II – Sự nghiệp văn học.

- ++ Quan điểm sáng tác
- ++ Thành tựu sáng tác
- ++ Phong cách nghệ thuật

Sự nghiệp cách mạng	Sự nghiệp văn học
Mục tiêu của hoạt động cách mạng:	Mục đích sáng tác:
Phạm vi, tầm vóc của hoạt động cách mạng:	Chất liệu sáng tác:
Thành tựu:	Sự nghiệp trước tác:.....
Nhận xét:	

+ Vấn đề 2. Sự chi phối của quan điểm sáng tác đến các tác phẩm Người viết ra

Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh chi phối thế nào đến nội dung, thể loại và phong cách sáng tác của Người?

c. Sản phẩm

Vấn đề 1. Sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh

Hoàn thiện phiếu học tập:

Sự nghiệp cách mạng	Sự nghiệp văn học
Mục tiêu của hoạt động cách mạng: đấu tranh vì hoà bình dân tộc.	Mục đích sáng tác: thơ văn phục vụ cho đấu tranh cách mạng.
Phạm vi, tầm vóc của hoạt động cách mạng: trên phạm vi toàn cầu, rất phong phú và nhiều trải nghiệm.	Chất liệu sáng tác: được cung cấp từ cuộc đời hoạt động cách mạng.

Thành tựu: lãnh đạo toàn dân tộc Việt Nam kháng chiến giành tự do cho dân tộc, có uy tín quốc tế rất cao.	Sự nghiệp trước tác: sáng tác nhiều thể loại như văn chính luận, truyện, kí, thơ.
<i>Nhận xét:</i> Sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh có mối quan hệ thống nhất, chặt chẽ, cùng hướng đến một mục đích là giải phóng dân tộc Việt Nam	

Vấn đề 2. Sự chi phối của quan điểm sáng tác đến các tác phẩm Người viết ra

Quan điểm sáng tác văn chương để phục vụ đấu tranh giải phóng dân tộc ảnh hưởng đến:

- Nội dung: Tuyên truyền đấu tranh cách mạng, khẳng định độc lập dân tộc.
- Thể loại: Lựa chọn các thể loại có thể chuyển tải được nội dung trên, đặc biệt là văn chính luận.
- Phong cách sáng tác: đa dạng ở cấu trúc, ngôn ngữ, giọng điệu. Văn chính luận đanh thép, truyện và kí khi thì dung dị, lúc hóm hỉnh, châm biếm. Thơ bình dị, dễ hiểu, kết hợp hài hoà giữa cổ điển và hiện đại.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV giao nhiệm vụ học tập cho HS như mục *Nội dung*.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.

Bước 3 – 4. GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi và kết luận.

– Với vấn đề 1, GV tổ chức cho HS đọc văn bản, lưu ý các em ghi lại những chi tiết quan trọng liên quan đến sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh. GV có thể cho HS làm việc theo cặp để hoàn thành phiếu học tập. GV gọi 1 – 2 HS trả lời, các HS còn lại bổ sung ý kiến. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

– Với vấn đề 2, GV tiếp tục cho HS làm việc theo cặp, lưu ý HS đọc phần *Tri thức Ngữ văn* và văn bản để hoàn thành câu hỏi. GV gọi 1 – 2 HS trả lời, các HS khác bổ sung (nếu cần). GV kết luận như mục *Sản phẩm*. GV có thể hỏi thêm: “Vì sao thể loại chính luận lại được Hồ Chí Minh lựa chọn sáng tác nhiều nhất?”. GV khuyến khích HS đưa ra câu trả lời. GV gợi ý: “Vì đây là thể loại có ưu thế trong việc thể hiện những quan điểm, lí lẽ, bằng chứng thuyết phục cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc”.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

a. Mục tiêu: Khẳng định được tính đa dạng của di sản văn học Hồ Chí Minh, những điểm nổi bật trong phong cách nghệ thuật của Người.

b. Nội dung:

Câu 1. Tại sao nói Hồ Chí Minh đã để lại cho hậu thế một di sản văn học lớn?

Câu 2. Hãy lí giải nguyên nhân vì sao Hồ Chí Minh có phong cách nghệ thuật đa dạng.

c. Sản phẩm:

Câu 1. Hồ Chí Minh đã để lại một di sản văn học lớn vì:

- Số lượng tác phẩm đồ sộ, thể loại phong phú, văn chính luận chiếm vị trí nổi bật.
- Mục đích sáng tác: phục vụ cách mạng.
- Ảnh hưởng của sáng tác: rộng rãi, trên toàn thế giới.

Câu 2. Phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh đa dạng vì:

- Sáng tác của Người phản ánh sự phong phú về cuộc đời làm cách mạng bôn ba khắp nơi, làm đủ các công việc trên con đường đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc Việt Nam.
- Phản ánh quan điểm sáng tác vì cách mạng và đối tượng độc giả rộng rãi.
- Phản ánh tài năng nghệ thuật lớn, vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc về cuộc sống trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV giao nhiệm vụ học tập cho HS như mục *Nội dung*.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập. GV quan sát, điều hành lớp.

Bước 3 – 4. GV tổ chức cho HS thảo luận và kết luận.

– Với câu 1, GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ. GV lưu ý HS về những tiêu chí đánh giá một di sản văn học lớn như: phong phú về nội dung, đa dạng về thể loại, mục đích sáng tác cao cả. GV gọi HS trình bày. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

– Với câu 2, GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp để trả lời câu hỏi. HS trình bày, GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Bày tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Là đoàn viên, thanh niên, anh/chị thấy mình cần phải làm gì để học tập theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bày tỏ quan điểm về vấn đề đó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc, cảm nhận, suy nghĩ để trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS, những điều HS chia sẻ.

- GV định hướng câu trả lời:

Muốn thực hiện được vai trò của mình, mỗi thanh niên cần cố gắng thực hiện tốt những điều sau:

- Phải sống phải có lý tưởng, có mục tiêu phấn đấu, hoàn thành mục tiêu của bản thân là tiền đề cho việc hoàn thành mục tiêu lớn của đất nước.

- Phải đặt quyền lợi của Đảng, của Tổ quốc lên trên hết và trước hết. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra nguyên tắc: Lợi ích cá nhân nhất định phải phục tùng lợi ích của Đảng. Lợi ích của mỗi bộ phận nhất định phải phục tùng lợi ích của toàn thể. Lợi ích tạm thời nhất định phải phục tùng lợi ích lâu dài.

- Phải có đạo đức cách mạng. Người đoàn viên, thanh niên phải luôn cố gắng hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình được giao, khi gặp thắng lợi thì không kiêu căng, chủ quan, tự mãn; khi gặp khó khăn, gian khổ, trở ngại thì không hoang mang, dao động.

- Phải góp phần tổ chức thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.

- Phải luôn luôn học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt, học nữa và học mãi,...đó là những điều mà Hồ Chí Minh đã luôn thực hiện trong cuộc sống của chính bản thân mình và là tấm gương giáo dục, rèn luyện cho mỗi đoàn viên, thanh niên.

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN		
Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Kết quả
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	0,75

Xác định đúng vấn đề nghị luận		Trình bày được những điều cần phải làm để học tập theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh.	0,75
Nội dung	Đề xuất được hệ thống ý	Giới thiệu vấn đề	4,0
		Trình bày cụ thể về những việc cần làm để học tập theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh	
		Khái quát lại vấn đề.	
	Sắp xếp ý	Sắp xếp hệ thống ý phù hợp.	
Lập luận	Triển khai luận điểm	Triển khai được ít nhất 3 ý.	1,5
	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt phù hợp.	
	Lí lẽ - dẫn chứng	Sử dụng luận cứ xác đáng, tiêu biểu	
Diễn đạt		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	1,5
Sáng tạo		Suy nghĩ sâu sắc, diễn đạt mới mẻ.	1,5

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Tuyên ngôn độc lập* (Hồ Chí Minh)

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

TIẾT 56-57

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (Hồ Chí Minh)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

- Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu văn bản *Tuyên ngôn Độc lập*.
- Chỉ ra và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận qua tìm hiểu bản *Tuyên ngôn Độc lập*.
- Nêu và phân tích được những đặc sắc nghệ thuật của văn bản.
- Đánh giá được giá trị lịch sử to lớn của *Tuyên ngôn Độc lập*.
- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong thực tiễn.

2. Phẩm chất: Biết trân trọng, bảo vệ và giữ gìn độc lập của Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập hai, Kế hoạch bài dạy, video clip về Hồ Chủ tịch đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* (<https://www.youtube.com/watch?v=xRKUB3fUTJM>).

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Huy động kiến thức đã có của HS về Hồ Chí Minh và văn bản *Tuyên ngôn Độc lập*.

b. Nội dung hoạt động: Em có cảm xúc gì khi nghe Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: GV gửi video clip cho HS để xem trước ở nhà. GV gọi 1 – 2 HS trình bày, khuyến khích các em thể hiện cảm xúc chân thật. GV dẫn dắt vào bài học.

Video/ tư liệu đã cho chúng ta được sống trong không khí xúc động, tự hào khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, chính thức tuyên bố về quyền độc lập của dân tộc ta. Đó là thời khắc thiêng liêng của lịch sử dân tộc, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến tồn tại hàng ngàn năm, chấm dứt hơn tám mươi năm đô hộ của thực dân Pháp, mở ra cho dân tộc ta một trang sử mới. Đó là sự ra đời của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh là một áng văn chính luận bất hủ. Chúng ta cùng tìm hiểu VB để cảm nhận giá trị của văn bản *Tuyên ngôn độc lập*.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (70 phút)

a. Mục tiêu:

– Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu văn bản *Tuyên ngôn Độc lập*.

– Chỉ và phân tích được vai trò của cách lập luận, ngôn ngữ biểu cảm, các nội dung khẳng định và phủ định trong văn bản nghị luận qua tìm hiểu bản *Tuyên ngôn Độc lập*.

– Nêu và phân tích được những nét đặc sắc nghệ thuật của văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về văn bản

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

2.1. Đọc và tìm hiểu chung

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn HS đọc văn bản HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (1) Đọc: Khi đọc cần chú ý giọng đọc: to, rõ ràng, hùng hồn, mạnh mẽ, xúc động, nhấn mạnh từ ngữ lặp đi lặp lại, Trong khi đọc: chú ý các trích dẫn, cách lập luận của tác giả, .. - GV đọc mẫu, gọi một số HS đọc - GV có thể cho HS đọc VB ở nhà và kiểm tra thông qua các nội dung được nêu ở cột bên phải của VB. (2) Chú ý đọc từ khó ở chân trang: - <i>Hội nghị tê-hê-răng</i> - <i>Hội nghị Cựu Kim Sơn</i> Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. - HS đọc VB, theo dõi quá trình đọc, trao đổi theo từ khó để hiểu nghĩa của từ Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. - HS khác nghe, nhận xét Bước 4. Chuẩn kiến thức.	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Tìm hiểu từ khó

NV2: Tìm hiểu chung về văn bản

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hướng dẫn HS hoạt động nhóm đôi
Nhóm :

HS thực hiện phiếu học tập số 01

Yêu cầu	Trả lời
a. Trình bày hoàn cảnh ra đời của văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> .	
b. Xác định thể loại của văn bản.	

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB.

Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.

- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4. Chuẩn kiến thức. GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

GV bổ sung thêm (nếu cần)

2. Tìm hiểu chung về văn bản

a. Hoàn cảnh ra đời

- Sau chiến thắng của quân Đồng minh (1945), Nhật đầu hàng, quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc (đang sau là thế lực Mỹ) tiến vào miền Bắc, quân đội Anh (đang sau là lính viễn chinh Pháp) tiến vào miền Nam nước ta. Thực dân Pháp tuyên bố, Đông Dương là đất “bảo hộ” của Pháp bị Nhật xâm chiếm, nay Nhật đầu hàng đồng minh, Pháp lại đứng về phe Đồng minh chống phát xít, vậy Đông Dương đương nhiên là của Pháp.

- *Tuyên ngôn độc lập* được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ở quảng trường Ba Đình, Hà Nội vào ngày 2 tháng 9 năm 1945, trước quốc dân đồng bào, nhằm bác bỏ dứt khoát luận điệu của người Pháp.

b Thể loại: văn bản nghị luận (chính luận)

2.2. Khám phá văn bản

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM				
Nhiệm vụ 1. Đọc, xác định mục đích, nội dung chính HOẠT ĐỘNG NHÓM ĐÔI Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Tiếp tục làm việc cặp đôi, đọc văn bản và hoàn thiện bảng kiến thức sau PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02 TÌM HIỂU BỐ CỤC, MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG TỚI CỦA VB Yêu cầu: - Mục đích của văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> là gì và hướng tới những đối tượng nào? - Xác định bố cục và mạch lập luận của văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> Trả lời: Mục đích văn bản:.....	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Mục đích, đối tượng, bố cục của văn bản * Mục đích của văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i>: Tuyên bố với thế giới về độc lập dân tộc và lòng quyết tâm giữ vững nền độc lập * Đối tượng hướng tới: - Toàn thể nhân dân Việt Nam - Nhân dân thế giới - Đặc biệt là các nước thuộc phe Đồng minh chống phát xít, nói tới các thế lực thực dân để quốc không muốn thừa nhận quyền độc lập của nước Việt Nam và đang âm mưu hỗ trợ thực dân Pháp quay lại “chiếm nước ta lần nữa”. * Bố cục văn bản: 3 phần <table><tr><th>Phần</th><th>Nội dung</th></tr><tr><td>(1) Từ đầu đến “không thể chối cãi được”</td><td>Trích dẫn một số luận điểm then chốt về quyền con người</td></tr></table>	Phần	Nội dung	(1) Từ đầu đến “không thể chối cãi được”	Trích dẫn một số luận điểm then chốt về quyền con người
Phần	Nội dung				
(1) Từ đầu đến “không thể chối cãi được”	Trích dẫn một số luận điểm then chốt về quyền con người				

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3 HS đại diện cho 3 cặp đọc và thực hiện các yêu cầu - HS dưới lớp hoàn thiện bảng vào vở Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="815 77 1143 394"></td><td data-bbox="1143 77 1471 394">từ hai bản tuyên ngôn quan trọng bậc nhất trong lịch sử thế giới cận đại để làm chỗ dựa pháp lí cho bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của nước Việt Nam mới.</td></tr> <tr> <td data-bbox="815 394 1143 751">(2) Từ “<i>Thế mà hơn 80 năm nay</i>” đến “<i>tự tay Pháp</i>”</td><td data-bbox="1143 394 1471 751">Tố cáo những hành động tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân và đất nước Việt Nam; vạch trần vai trò tệ hại của thực dân Pháp trong việc “bảo hộ” đất nước Việt Nam</td></tr> <tr> <td data-bbox="815 751 1143 1350">(3) Còn lại</td><td data-bbox="1143 751 1471 1350">Tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp và kêu gọi thế giới công nhận quyền độc lập của nước Việt Nam; tuyên bố quyền hưởng tự do, độc lập của nhân dân, đất nước Việt Nam và thể hiện ý chí của toàn dân tộc quyết tâm bảo vệ quyền tự do, độc lập vừa giành được.</td></tr> </table>		từ hai bản tuyên ngôn quan trọng bậc nhất trong lịch sử thế giới cận đại để làm chỗ dựa pháp lí cho bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của nước Việt Nam mới.	(2) Từ “ <i>Thế mà hơn 80 năm nay</i> ” đến “ <i>tự tay Pháp</i> ”	Tố cáo những hành động tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân và đất nước Việt Nam; vạch trần vai trò tệ hại của thực dân Pháp trong việc “bảo hộ” đất nước Việt Nam	(3) Còn lại	Tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp và kêu gọi thế giới công nhận quyền độc lập của nước Việt Nam; tuyên bố quyền hưởng tự do, độc lập của nhân dân, đất nước Việt Nam và thể hiện ý chí của toàn dân tộc quyết tâm bảo vệ quyền tự do, độc lập vừa giành được.
	từ hai bản tuyên ngôn quan trọng bậc nhất trong lịch sử thế giới cận đại để làm chỗ dựa pháp lí cho bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của nước Việt Nam mới.						
(2) Từ “ <i>Thế mà hơn 80 năm nay</i> ” đến “ <i>tự tay Pháp</i> ”	Tố cáo những hành động tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân và đất nước Việt Nam; vạch trần vai trò tệ hại của thực dân Pháp trong việc “bảo hộ” đất nước Việt Nam						
(3) Còn lại	Tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp và kêu gọi thế giới công nhận quyền độc lập của nước Việt Nam; tuyên bố quyền hưởng tự do, độc lập của nhân dân, đất nước Việt Nam và thể hiện ý chí của toàn dân tộc quyết tâm bảo vệ quyền tự do, độc lập vừa giành được.						
Nhiệm vụ 2. Đọc, xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của <i>Tuyên ngôn độc lập</i> HOẠT ĐỘNG NHÓM 4 NV2: Tìm hiểu về bố cục và luận điểm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi, thời gian 5 phút câu hỏi sau: - <i>Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm trong VB.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ.	2. Luận đề, luận điểm và lí lẽ, bằng chứng của văn bản - Luận đề: Khẳng định quyền bất khả xâm phạm của nước Việt Nam và tuyên bố khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. - Luận điểm: + Luận điểm 1: Cơ sở pháp lí + Luận điểm 2: Cơ sở thực tiễn: ++ Tố cáo tội ác của thực dân Pháp với nhân dân Việt Nam . ++ Bác bỏ luận điệu bảo hộ, tuyên bố thoát li quan hệ với Pháp. + Luận điểm 3: Lời tuyên bố quyền độc lập dân tộc và lòng quyết tâm giữ vững nền độc lập dân tộc;						

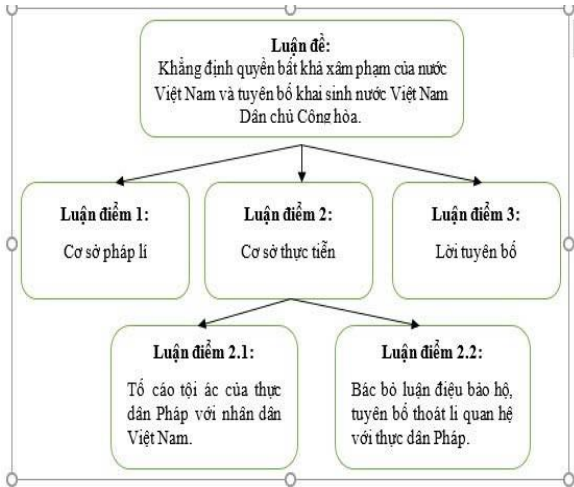
Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

Tham khảo sơ đồ về luận đề, luận điểm của VB.



kêu gọi thế giới công nhận quyền độc lập của Việt Nam

* Lí lẽ và bằng chứng

Lí lẽ	Bằng chứng
1- Tất cả các dân tộc trên thế giới đều có quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do	- Trích bản tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776 - Trích bản tuyên ngôn Nhân quyền của Pháp năm 1791
1- Suốt 80 năm, thực dân Pháp đã tước quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam trên mọi phương diện	- Chúng thi hành luật dã man, lập nhiều nhà tù, ... - Chúng bóc lột tận xương tủy nhân dân... Từ Quảng Trị đến Bắc Kì hơn triệu đồng bào ta bị chết đói
2- Từ mùa thu năm 40, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật. Chúng ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ Pháp	- Trong năm năm chúng bán nước ta hai lần cho Nhật,... - Chúng thẳng tay khủng bố Việt Minh, giết tù chính trị, ... - Pháp chạy, Nhật hàng,
3. Dân tộc ta phải được tự do, độc lập	
Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và quyết giữ cho được nền độc lập đó.	

Thao tác 2. Đọc, phân tích đặc sắc nghệ thuật của văn bản *Tuyên ngôn độc lập*

HOẠT ĐỘNG NHÓM 8

GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm

- Nhóm 1: Thực hiện PHT số 03 – Tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong phần cơ sở pháp lí của *Tuyên ngôn độc lập*
- Nhóm 2: PHT số 04:- Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*
- Nhóm 3: PHT số 05: Tìm hiểu đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, câu văn trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*
- Nhóm 4: PHT số 06: Tìm hiểu nghệ thuật lập

3. Đặc sắc nghệ thuật của văn bản *Tuyên ngôn độc lập*

a. Nghệ thuật lập luận trong phần cơ sở pháp lí của *Tuyên ngôn độc lập*

- Tác dụng của việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp:

- + Hai bản tuyên ngôn: khẳng định quyền sống, quyền tự do.
- + Khẳng định nguyên lí chung về quyền độc lập, tự do và hạnh phúc của tất cả mọi người, mọi dân tộc trên thế giới. Đây là cơ sở pháp lí quan trọng làm tiền đề cho những lập luận ở phần sau.
- + Đặt ngang hàng ba bản tuyên ngôn, gián tiếp thể hiện niềm tự hào, sự tự tôn của dân tộc.

luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của *Tuyên ngôn độc lập*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm.

Nhóm 1: PHT số 03:

Tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong phần cơ sở pháp lí của *Tuyên ngôn độc lập*

1. Việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp có tác dụng gì đối với các đối tượng mà *Tuyên ngôn Độc lập* hướng tới?
2. Từ đó, nhận xét về thủ pháp nghệ thuật được sử dụng để tạo sức thuyết phục cho phần cơ sở pháp lí.
3. Chỉ ra và nhận xét về tác dụng của các thao tác nghị luận được sử dụng trong phần cơ sở pháp lí và tác dụng của việc sử dụng kết hợp các thao tác nghị luận này.

Nhóm 2: PHT số 04:

Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*

Yêu cầu: Đọc lại phần từ “*Thế mà hơn 80 năm nay*” cho đến “*Dân tộc đó phải được độc lập!*” và cho biết:

- Tác giả đã dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để bác bỏ luận điểm “khai hoá, bảo hộ” của Pháp và khẳng định quyền tự do, độc lập của nước Việt Nam?
- Nhận xét về cách lựa chọn, sắp xếp, triển khai các lí lẽ, bằng chứng ấy.

Luận điệu của thực dân Pháp	Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh	Nhận xét
.....		
.....		

Nhóm 3: PHT số 05:

Tìm hiểu đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, câu văn trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*

- **Sử dụng thủ pháp:** “gây ông đập lưng ông”, tố cáo thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đang phản bội lại những tuyên ngôn tốt đẹp mà cha ông họ đã lập ra.

-**Tác giả Hồ Chí Minh đã kết hợp các thao tác nghị luận:**

+ **Giải thích:** Giải thích ý nghĩa Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ: “*Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”.

+ **Chứng minh:** Trích dẫn nguyên văn hai bản tuyên ngôn của nước Mỹ và Cách mạng Pháp.

+ **Bình luận:** “*Đó là những lí lẽ không ai chối cãi được*”.

->**Tác dụng:** Khẳng định cơ sở pháp lí làm nền tảng cho các lập luận và lời tuyên bố. Đây là điểm tựa vững chắc để các luận điểm sau được phát triển một cách thuyết phục và đa dạng, qua đó làm sáng tỏ luận đề và thực hiện mục đích của toàn VB (khẳng định quyền tự do, độc lập bất khả xâm phạm của nước).

b. Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn và lời tuyên gọi

* **Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập***

- **Nghệ thuật lập luận của tác giả Hồ Chí Minh:** Cách lập luận để bác bỏ luận điệu “bảo hộ, khai hoá” của thực dân Pháp và quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam:

Luận điệu của thực dân Pháp	Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh	Nhận xét
Đồng Dương là thuộc địa của Pháp, Pháp có công “bảo hộ”	Pháp không có công bảo hộ, mà trái lại, đã gây ra nhiều tội ác “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”.	- Nêu được tội ác trên nhiều phương diện: về chính trị, về kinh tế – xã hội, soi chiếu cả trên phương diện lương tâm và đạo đức.

Yêu cầu: Đọc lại phần từ “*Thế mà hơn 80 năm nay*” cho đến “*Dân tộc đó phải được độc lập!*” và cho biết:
Xác định và phân tích tác dụng một số nét đặc sắc về biện pháp tu từ, từ ngữ, sự kết hợp giữa câu khẳng định, phủ định trong phần này.

Phương diện	Biểu hiện trong văn bản	Tác dụng
Từ ngữ		
Biện pháp tu từ		
Câu khẳng định, phủ định		

Nhóm 4: **PHT số 06:**

Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của *Tuyên ngôn độc lập*

- Ở phần 3 của VB, tác giả đại diện cho ai, và đã tuyên bố điều gì?
- Lời tuyên bố ở cuối VB đã đạt được các điều kiện khách quan, chủ quan gì để thế giới công nhận quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam?
- Chỉ ra và nhận xét về tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm (từ ngữ, kiểu câu khẳng định,...) trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung của lời tuyên bố

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ
 GV quan sát, khích lệ HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện các nhóm trình bày
 Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Đông Dương.		- Bằng chứng xác thực. - Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, giàu tính biểu cảm (phép điệp, phép liệt kê, cách diễn đạt giàu hình ảnh).
Nay Nhật đã đầu hàng, Đông Dương nghiêm nhiên thuộc quyền bảo hộ của người Pháp.	- Thực dân Pháp đã “dã man hai lần bán nước ta cho Nhật”. – Thực dân Pháp không đáp lại lời kêu gọi chống Nhật của Việt Minh, thẳng tay khủng bố Việt Minh, tức là đã phản bội quân Đồng minh, về phe Nhật. – Dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp, nên không còn là thuộc địa của Pháp nữa. – Vua Bảo Đại thoái vị, dân ta đã thoát khỏi ách xiềng xích của thực dân, chế độ quân chủ, thành lập Lâm thời Chính phủ mới, nên có quyền tuyên bố cách li và vô hiệu hoá các thoả thuận mà nhà Nguyễn đã	- Nêu lí lẽ trên nhiều phương diện, phân tích xác đáng cục diện chính trị đương thời. - Bằng chứng xác đáng, thuyết phục, với những mốc thời gian, sự kiện cụ thể, xác thực. - Cách sắp xếp hợp lí, vừa theo trình tự thời gian vừa theo tính chất quan trọng của vấn đề. – Đã đưa ra được những nguyên tắc dân tộc bình đẳng được Liên hợp quốc công nhận để làm sáng tỏ các lập luận của mình, kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam. - Ngôn ngữ,

GV nhận xét, chốt kiến thức

kí với Pháp.

giọng điệu
đanh thép,
hùng hồn.

- **Đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, câu văn trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập***

+ **Các từ ngữ:** thuần Việt, trong sáng, dễ hiểu:

+ + Từ để gọi thực dân Pháp (“*bọn thực dân Pháp*”, “*chúng*”);

+ + Từ ngữ để gọi nhân dân Việt Nam (“*đồng bào ta*”, “*nhân dân ta*”, “*những người yêu nước thương nòi của ta*”, “*dân ta*”, “*các nhà tư sản ta*”,...).

+ **Biện pháp tu từ:** sử dụng nhiều biện pháp tu từ đa dạng, hiệu quả:

+ + Liệt kê, điệp ngữ, điệp cấu trúc: “*Chúng thi hành những luật dã man ...Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta.... Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.*”

+ + Ẩn dụ, hoán dụ: “*Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta*”; “*tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*”),...

-> **Tác dụng:**

+ Thể hiện sự căm phẫn trước tội ác của thực dân Pháp, nỗi thương xót đối với người dân Việt Nam khi phải gánh chịu những tội ác ấy; + Góp phần tăng tính thuyết phục cho VB bằng cách khơi gợi sự đồng cảm, xót xa, phẫn nộ nơi người đọc.

+ **Các kiểu câu khẳng định, phủ định:** hầu như các câu văn trong văn bản đều là câu khẳng định và câu phủ định.

-> **Tác dụng:**

+ + Khẳng định tội ác của giặc bằng cách điệp cấu trúc: “*Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do, dân chủ nào*”,...

+ + Phủ định luận điệu “*nhân đạo, chính nghĩa*” của Pháp: Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

* **Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của *Tuyên ngôn độc lập***

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố:

- Những cơ sở pháp lí, thực tiễn vững chắc để thoát

	li quyền bảo hộ của Pháp, tuyên bố sự sụp đổ của triều đình phong kiến nhà Nguyễn (“<i>Vì những lí lẽ trên</i>”). - Sự xuất hiện chính danh của một chính phủ đại diện cho nhân dân Việt Nam, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam (“<i>chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà</i>”). - Khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và quyết tâm bằng mọi giá bảo vệ quyền độc lập, tự do ấy. Điểm đặc sắc của Tuyên ngôn Độc lập đó là lời tuyên bố cuối VB đã khẳng định điều kiện khách quan, điều kiện chủ quan + Điều kiện khách quan: + + Cơ sở pháp lí, thực tiễn vững chắc, không thể chối cãi, phù hợp với công ước quốc tế; + + Chứng minh sự không lệ thuộc vào bất kì thế lực chính trị nào; + + Khẳng định quyền tự quyết về mọi mặt của dân tộc; + Điều kiện chủ quan: + + Toàn dân tộc thực sự có ý chí về quyền độc lập, tự do và có quyết tâm bảo vệ quyền độc lập, tự do. Từ đó, Hồ Chí Minh đã tuyên bố trước thế giới quyền độc lập, tự do, bất khả xâm phạm của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, của nhân dân Việt Nam. - Từ ngữ, lời văn dạt dào tình cảm, cảm xúc, lúc sôi sục, quyết liệt: <i>“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”</i> -> Tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung lời tuyên bố: hùng hồn, đanh thép, trong việc khẳng định mạnh mẽ và thuyết phục nội dung lời tuyên bố
--	---

2.3. Tổng kết

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
-------------------	----------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: + Hãy khái quát ý nghĩa của bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i>. + Theo em, những yếu tố nghệ thuật nào đã giúp <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> trở thành một áng văn chính luận bất hủ? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp - Trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bản tuyên ngôn độc lập là kết tinh tư tưởng không chỉ sống quý, khẳng định ý chí quyết tâm giữ vững nền độc lập dân tộc, tinh thần yêu nước và nhân ái, khoan dung của truyền thống dân tộc từ ngàn xưa. 2. Nghệ thuật - Hệ thống luận điểm, lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng xác đáng. - Giọng điệu đanh thép, lời văn như chất vấn, kết tội kẻ thù. - Ngôn ngữ hùng hồn, sắc bén. - Sử dụng yếu tố biểu cảm, linh hoạt. - Sử dụng tính phủ định và khẳng định phù hợp trong văn bản nghị luận.
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức. Phát triển năng lực đặc thù cho HS

b. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu: Câu 1. Giá trị lịch sử to lớn của <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> được thể hiện như thế nào? Câu 2. Em học được gì từ nghệ thuật viết văn chính luận của Hồ Chí Minh? - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét các câu trả lời của HS	IV. Luyện tập Câu 1. Giá trị lịch sử to lớn của <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> được thể hiện qua: - Vb đã tái hiện sinh động những sự kiện lịch sử đã xảy ra sau ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố quyền độc lập; qua đó cảnh báo thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đang có âm mưu xâm lược nước ta. - Tuyên bố chấm dứt chế độ phong kiến ở nước ta hơn 1.000 năm, hơn 80 năm xâm lược của thực dân Pháp và 5 năm giày xéo của phát xít Nhật. - Khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do của dân tộc. - Chống lại âm mưu tái chiếm Việt Nam của thực dân và ý đồ can thiệp vào nước ta của một số nước đế quốc khác; khẳng định vị thế của dân tộc trên trường quốc tế. Câu 2. Một số bài học rút ra được từ nghệ thuật viết văn chính luận. - Cần xác lập một hệ thống luận điểm, lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng phù hợp. - Chú ý lựa chọn giọng điệu phù hợp với vấn đề bàn luận. - Kết hợp yếu tố biểu cảm phù hợp.

	- Chọn lựa từ ngữ, kiểu câu, các biện pháp tu từ cho phù hợp để bài viết hấp dẫn.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

- a. Mục tiêu:** HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.
- b. Nội dung:** Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) về khả năng tác động của Tuyên ngôn độc lập đến Việt Nam nói riêng và quốc tế nói chung.
- c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS
- Tổ chức thực hiện:**
- Bước 1.** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như mục *Nội dung*.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3 – 4. GV thu bài của HS vào buổi sau, nếu có điều kiện có thể tổ chức cho HS chấm chéo hoặc chữa minh họa một số bài.

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN			
Tiêu chí		Mô tả tiêu chí	Kết quả
Hình thức		Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	0,75
Xác định đúng vấn đề nghị luận		Khả năng tác động của Tuyên ngôn độc lập đến Việt Nam nói riêng và quốc tế nói chung.	0,75
Nội dung	Đề xuất được hệ thống ý	Giới thiệu vấn đề	4,0
		Đưa ra nhận xét, đánh giá và suy nghĩ về khả năng tác động của Tuyên ngôn độc lập đến Việt Nam nói riêng và quốc tế nói chung.	
		Khái quát lại vấn đề.	
	Sắp xếp ý	Sắp xếp hệ thống ý phù hợp.	
Lập luận	Triển khai luận điểm	Triển khai được ít nhất 2 ý.	1,5
	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt phù hợp.	
	Lí lẽ - dẫn chứng	Sử dụng luận cứ xác đáng, tiêu biểu	
Diễn đạt		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	1,5
Sáng tạo		Suy nghĩ sâu sắc, diễn đạt mới mẻ.	1,5

RUBRIC ĐÁNH GIÁ THUYẾT TRÌNH NHÓM						
Tiêu chí		Mô tả tiêu chí				Điểm
		Chưa đạt	Đạt	Tốt	Xuất sắc	
Trình bày	Sự thu hút người	Không thu hút người nghe. Chưa kết hợp yếu tố phi ngôn	Ít thu hút người nghe Biết theo dõi và sử dụng yếu tố	Thu hút người nghe. Biết giao lưu và sử dụng yếu	Thu hút hầu hết người nghe Biết giao lưu	1/10

	nghe	ngữ.	phi ngôn ngữ song chưa hiệu quả.	tổ phi ngôn ngữ.	với người nghe, sử dụng hiệu quả yếu tổ phi ngôn ngữ.	
	Trình bày, phát âm rõ ràng	Người trình bày nói nhỏ, phát âm không rõ ràng.	Người trình bày phát âm một số chỗ không rõ ràng.	Người trình bày nói rõ ràng, nhưng tốc độ chưa phù hợp.	Người trình bày nói rõ ràng và tốc độ vừa phải, dễ theo dõi.	1/10
Nội dung	Bố cục	Bố cục lộn xộn, không theo trình tự.	Bố cục khó theo dõi, trình tự không có logic, không có liên kết giữa các phần trình bày	Trình tự trình bày giúp người nghe dễ theo dõi.	Trình bày logic, nhấn mạnh những thông tin quan trọng.	1/10
	Nội dung trình bày	Nội dung sơ sài, chưa xác định rõ ràng chủ đề báo cáo.	Nội dung chưa đầy đủ thông tin về chủ đề báo cáo.	Nội dung đầy đủ thông tin nhưng chưa nhấn mạnh và giải thích vấn đề.	Nội dung thông tin đầy đủ và có giải thích, phân tích vấn đề.	3/10
Làm việc nhóm	Sự tham gia của nhóm	Dưới 30% số thành viên trong nhóm tham gia.	Từ 30-50% số thành viên tham gia.	Từ 50-80% số thành viên tham gia.	Trên 80% số thành viên tham gia.	2/10
Khả năng tương tác	Trả lời câu hỏi	Không trả lời hoặc trả rất ít câu hỏi Trả lời dưới 20% câu hỏi.	Trả lời được một vài câu hỏi. Trả lời từ 20-50% câu hỏi.	Trả lời được phần lớn câu hỏi. Trả lời từ 50-80% câu hỏi.	Trả lời được hầu hết hỏi Trả lời trên 80% câu hỏi.	1/10
	Đặt câu hỏi	Không tham gia đặt câu hỏi với nhóm trình bày khác.	Tham gia đặt câu hỏi với nhóm khác 1-2 câu.	Tham gia đặt câu hỏi với nhóm khác 3-4 câu.	Tham gia đặt câu hỏi với nhóm khác trên 4 câu.	1/10
TỔNG						/10

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản cùng thể loại, đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Đọc VB 3, 4: *Mộ* (Hồ Chí Minh), *Nguyên tiêu* (Hồ Chí Minh)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

Tiết 58-59. VB 3, 4: *Mộ* (Hồ Chí Minh), *Nguyên tiêu* (Hồ Chí Minh)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người.
- Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố trong thơ trữ tình và thơ châm biếm hài hước viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh (ngôn ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật, cấu tứ, cách sử dụng từ ngữ).
- Phân tích được một số nét đặc sắc của các bài thơ viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh.
- Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học để tìm hiểu các tác phẩm thơ khác của Hồ Chí Minh.

2. Phẩm chất

- Trân trọng tài năng văn chương của Hồ Chí Minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

2. Học liệu:

- SGK, tài liệu tham khảo
- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.
- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bảng tóm tắt tiến trình dạy học phần ĐỌC

Tiến trình - Thời gian thực hiện	Tổ chức thực hiện		
	Nội dung	Phương pháp/ kỹ thuật dạy học	Phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá
ĐỌC			
Mộ (Chiều tối) Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng) Hồ Chí Minh (2 tiết)			

Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)	Giới thiệu chủ đề bài học, tạo tâm thế cho HS tiếp thu bài học	Nêu vấn đề, gợi mở HS suy nghĩ trả lời	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (120 phút) 2.1. Đọc, tìm hiểu chung về văn bản (20 phút)	Tìm hiểu chung về văn bản: -Hoàn cảnh ra đời -Thể loại - Bố cục	Hoàn thành PHT Thảo luận cặp đôi Làm việc cá nhân	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)
2.2. Khám phá văn bản (90 phút)	Tìm hiểu -Tác động của thời điểm chiều tối và đêm trăng rằm tháng giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ - Hình tượng thơ và sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ - Cấu tứ thơ - Bút pháp hội họa đặc sắc, ngôn ngữ độc đáo - Dấu ấn phong cách cổ điển thể hiện trong hai bài thơ	Hoàn thành PHT Thảo luận cặp đôi Làm việc nhóm Làm việc cá nhân	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)
2.3. Hướng dẫn HS Tổng kết (5 phút)	Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.	Thảo luận cặp đôi	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)
Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)	Khái quát lại các đặc điểm thể loại của văn bản	HS tham gia trò chơi <i>Hái lộc đầu xuân</i>	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS)
Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)	Vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.	Làm việc cá nhân	Sản phẩm học tập (Câu trả lời của HS) Rubic đánh giá

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- *Hãy nêu tên một số tập thơ, bài thơ của Hồ Chí Minh hoặc tác phẩm văn học mà em biết. Hãy đọc một bài thơ của Bác, hoặc giới thiệu về tác phẩm mà em yêu thích. Vì sao em yêu thích tác phẩm đó?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi.
- GV quan sát, khích lệ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi một số HS phát biểu.

=> **Dự kiến sản phẩm:**

- Một số bài thơ của Hồ Chí Minh: *Ngắm trăng, Chiều tối (Mộ), Không ngủ được, Nghe tiếng chày giã gạo, ...*

Chiều tối

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây nhẹ giữa tầng không
Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết, lò than đã rực hồng*

Ngắm trăng

*Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Không ngủ được

*Một canh...hai canh...lại ba canh
Trần trọc bắn khoăn giấc chẳng lành
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn bay.*

Nghe tiếng chày giã gạo

*Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông
Sống trên đời người cũng vậy
Gian nan rèn luyện mới thành công.*

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV dẫn dắt vào bài: Ở phần tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các em đã được biết, sự nghiệp văn chương của Người vô cùng lớn lao. Người không chỉ viết văn chính luận, báo chí, mà Người còn là một nhà thơ vĩ đại. Mặc dù, sinh thời, Bác Hồ không tự nhận

mình là nhà thơ, nhà văn nhưng thực tiễn toàn bộ sáng tác của Người đã cho thấy Người là một nhà thơ lớn. Bài thơ *Mộ (Chiều tối)* và *Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)* là bằng chứng hùng hồn cho sự nghiệp văn học ấy.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người.
- Nắm được cách đọc văn bản, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, bố cục của văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: Đọc bài thơ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Phần đọc: GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc và đọc mẫu. Yêu cầu HS đọc bài thơ + <i>Nhận xét về cách đọc của bạn? Giọng đọc như nào cho phù hợp?</i> - Đọc: + <i>Đọc diễn cảm hoàn chỉnh bài thơ, chú ý cách ngắt nhịp, giọng điệu.</i> + <i>Chú ý các cước chú và nội dung thể chỉ dẫn.</i> Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: HS đọc GV đọc mẫu GV điều chỉnh cách đọc cho HS Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. CH: Tại sao em cần đọc bài thơ như vậy? - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4. Chuẩn kiến thức. - GV và HS cùng đánh giá việc đọc văn	I. Tìm hiểu chung

bản.																																															
Thao tác 2: Tìm hiểu chung Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà những thông tin chung về bài thơ <i>Mộ (Chiều tối)</i> , <i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i> PHT 01: Tìm hiểu chung về hai bài thơ <table><tr><td>Đặc điểm</td><td>Bài thơ <i>Mộ (Chiều tối)</i></td><td>Bài thơ <i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i></td></tr><tr><td>Xuất xứ</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Thể loại</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Ngôn ngữ</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đề tài</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Bố cục</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Hoàn cảnh sáng tác</td><td></td><td></td></tr></table> Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ + Học sinh trả lời cá nhân + Giáo viên khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi HS trả lời. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn			Đặc điểm	Bài thơ <i>Mộ (Chiều tối)</i>	Bài thơ <i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>	Xuất xứ			Thể loại			Ngôn ngữ			Đề tài			Bố cục			Hoàn cảnh sáng tác			a. Tác giả: Hồ Chí Minh b. Tác phẩm: <table><tr><td>Đặc điểm</td><td><i>Mộ (Chiều tối)</i></td><td><i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i></td></tr><tr><td>Xuất xứ</td><td>Là bài thơ số 30 trong tập <i>Ngục trung nhật kí</i></td><td>In trong <i>Thơ chủ tịch</i>, NXB Văn học, Hà Nội.</td></tr><tr><td>Thể loại</td><td colspan="2">Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật</td></tr><tr><td>Ngôn ngữ</td><td colspan="2">Chữ Hán</td></tr><tr><td>Đề tài</td><td>Chiều tối</td><td>Rằm tháng giêng</td></tr><tr><td>Bố cục</td><td>- Hai câu đầu: Thiên nhiên chiều tối. - Hai câu sau: Bức tranh sinh hoạt của con người nơi miền sơn cước</td><td>- Hai câu đầu: cảnh đêm trăng trên sông. - Hai câu sau: Vẻ đẹp của con người.</td></tr><tr><td>Hoàn cảnh sáng tác</td><td>Tác phẩm được viết vào khoảng những tháng đầu của thời gian Người bị cầm tù lần thứ 2 ở Trung Quốc (1942 - 1943), ở cuối chặng chuyển lao từ</td><td>Được sáng tác trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại chiến khu Việt Bắc. Theo một số tư liệu, bài thơ được Hồ Chí Minh ứng</td></tr></table>			Đặc điểm	<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>	Xuất xứ	Là bài thơ số 30 trong tập <i>Ngục trung nhật kí</i>	In trong <i>Thơ chủ tịch</i> , NXB Văn học, Hà Nội.	Thể loại	Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật		Ngôn ngữ	Chữ Hán		Đề tài	Chiều tối	Rằm tháng giêng	Bố cục	- Hai câu đầu: Thiên nhiên chiều tối. - Hai câu sau: Bức tranh sinh hoạt của con người nơi miền sơn cước	- Hai câu đầu: cảnh đêm trăng trên sông. - Hai câu sau: Vẻ đẹp của con người.	Hoàn cảnh sáng tác	Tác phẩm được viết vào khoảng những tháng đầu của thời gian Người bị cầm tù lần thứ 2 ở Trung Quốc (1942 - 1943), ở cuối chặng chuyển lao từ	Được sáng tác trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại chiến khu Việt Bắc. Theo một số tư liệu, bài thơ được Hồ Chí Minh ứng
Đặc điểm	Bài thơ <i>Mộ (Chiều tối)</i>	Bài thơ <i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>																																													
Xuất xứ																																															
Thể loại																																															
Ngôn ngữ																																															
Đề tài																																															
Bố cục																																															
Hoàn cảnh sáng tác																																															
Đặc điểm	<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>																																													
Xuất xứ	Là bài thơ số 30 trong tập <i>Ngục trung nhật kí</i>	In trong <i>Thơ chủ tịch</i> , NXB Văn học, Hà Nội.																																													
Thể loại	Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật																																														
Ngôn ngữ	Chữ Hán																																														
Đề tài	Chiều tối	Rằm tháng giêng																																													
Bố cục	- Hai câu đầu: Thiên nhiên chiều tối. - Hai câu sau: Bức tranh sinh hoạt của con người nơi miền sơn cước	- Hai câu đầu: cảnh đêm trăng trên sông. - Hai câu sau: Vẻ đẹp của con người.																																													
Hoàn cảnh sáng tác	Tác phẩm được viết vào khoảng những tháng đầu của thời gian Người bị cầm tù lần thứ 2 ở Trung Quốc (1942 - 1943), ở cuối chặng chuyển lao từ	Được sáng tác trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại chiến khu Việt Bắc. Theo một số tư liệu, bài thơ được Hồ Chí Minh ứng																																													

hóa kiến thức qua trình chiếu slide.		Tĩnh Tây đến Thiên Bảo.	tác sau một cuộc họp bàn về chiến dịch, giữa khung cảnh núi rừng.
--------------------------------------	--	----------------------------	---

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- Chỉ ra được tác động của thời điểm chiều tối và đêm trắng rằm tháng giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ
- Thấy được hình tượng thơ và sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ
- Chỉ ra cấu tứ và hiểu về cấu tứ thơ
- Thấy được bút pháp hội họa đặc sắc, ngôn ngữ độc đáo và dấu ấn phong cách cổ điển thể hiện trong hai bài thơ

b. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
Thao tác 3: Khám phá văn bản * Hướng dẫn HS tìm hiểu về tác động của thời điểm chiều tối và đêm trắng rằm tháng giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động theo cặp đôi: - GV:	II. Khám phá văn bản 1. Tác động của thời điểm chiều tối và đêm trắng rằm tháng giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ		
	Bài thơ	Thời điểm	Tác động
	Mộ (Chiều tối)	Chiều tối: - Theo “nhịp điệu của sự sống: thời khắc mà mọi sinh linh đều cần nghỉ ngơi. - Theo “chiều kích” của tầm mắt: là giới hạn dần khép lại - tĩnh tại - ngưng lặng của bóng đêm; “chim về tổ - người về nhà lại đứng	Tâm thế của nhân vật trữ tình - nhà thơ - kẻ chịu gông xiềng/người chiến sĩ đang phải đối mặt với một hành trình không có điểm dừng, bị mất tự do. - Cảm xúc: Không rơi vào bi quan, bế tắc, cô đơn mà giữa khung cảnh núi rừng chiều tối là hình ảnh con người có tâm hồn rộng mở,

CH: GV chiếu **phiếu học tập số 02**

- HS thảo luận nhóm theo cặp, thời gian 5 phút
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

*** Hướng dẫn HS tìm hiểu về hình tượng thơ và sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động theo nhóm:
- **GV:**

CH: GV chiếu **phiếu học tập số 03**

	quy luật thông thường”	phóng khoáng, mạnh mẽ
<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>	Rằm tháng giêng - đêm trăng tròn đầu tiên của một năm: thời điểm đặc biệt, gắn với ý niệm khởi đầu tốt lành của một vận hội mới. Sinh khí đất trời hoà điệu với tâm hồn và khát vọng của con người	Người chiến sĩ cách mạng đang bận bịu với việc quân, việc nước gian nguy của cuộc kháng chiến nhưng tâm hồn thanh khiết, phóng túng của nhà thơ luôn rộng mở đón những thanh âm tươi mới của một mùa xuân tràn đầy sức sống.
2. Hình tượng thơ và sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ a. Hình tượng thơ và nghệ thuật xây dựng hình tượng thơ		
Hình tượng thơ	Mộ (Chiều tối)	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>
Bức tranh thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả thiên nhiên	+ Hình ảnh cánh chim mệt mỏi bay về tổ, gợi thời gian chiều tối, gợi nhịp điệu của cuộc sống tự nhiên ngậm ngùi đối lập với hình ảnh người tù bị giải đi trên con đường vô tận không biết đâu là điểm dừng. Hình ảnh chòm mây cô lẻ chậm chậm trôi qua bầu trời rộng lớn lúc trời chiều gợi cảm giác xa vắng, băng khuâng. + Từ ngữ đặc tả tâm trạng, gợi lên cái hồn của sự vật: dùng những	+ Sự tinh tế và nhạy cảm của tác giả khi “nắm bắt” vẻ đẹp của vầng trăng đúng vào đêm rằm tháng giêng: Vẻ đẹp, sức sống viên mãn của vầng trăng được nhìn theo nội tại của nó chứ không phải theo vẻ ngoài thuần túy. Sông xuân, nước xuân, trời xuân mở rộng không giam trong chiều vận động từ cận cảnh (mặt đất) đến viễn cảnh (bầu trời). + Từ ngữ chất lọc, biện pháp tu từ điệp ngữ: tạo ấn tượng về sự vận động và sức căng tràn, biểu thị tâm hồn

- HS thảo luận nhóm theo cặp, thời gian 5 phút, điền vào PHT: + Nhóm 1, 2: Tìm hiểu bức tranh thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả thiên nhiên. + Nhóm 3, 4: Tìm hiểu hình ảnh con người.		từ vốn để chỉ trạng thái tinh thần, thể chất của con người để miêu tả thiên nhiên - <i>quyện, cô...</i> + Bút pháp chấm phá, tạo hình: đối ứng và nối tiếp giữa cái hữu hình và cái vô hình, cái hữu hạn và cái vô hạn	tự do, phóng khoáng. + Nghệ thuật miêu tả bút pháp tạo hình: câu 1 nói đến sự vận động trong thời gian; câu 2 nói sự vận động trong không gian theo tầng, bậc tiếp nối, tạo ấn tượng về sức sống mùa xuân bao trùm vũ trụ
Câu hỏi chung 4 nhóm: Trong hai bài thơ, sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ được tác giả thể hiện như thế nào? Bạn có cảm nhận gì về cách nhìn của tác giả đối với chiều hướng phát triển của sự vật? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến	Hình ảnh con người	Bức tranh về cuộc sống con người được gợi lên từ những hình ảnh hết sức cụ thể, chân thực, thân thương + Thiếu nữ mải miết với công việc xay ngô, lò lửa rực cháy giữa đêm tối. + Người tù trên đường bị áp giải mệt mỏi, mất tự do nhưng không ta thán, bi lụy; toàn bộ thế giới tinh thần hướng về những cảnh tượng, hình ảnh cuộc sống xung quanh với tình cảm ám áp, gần gũi => Trong cảnh ngộ đó, người tù vẫn thung dung, tự tại, nhạy cảm nhận ra những gì vốn nhỏ bé, khuất lấp trong hiện thực => Nhà thơ - chiến sĩ Hồ Chí Minh	Người chiến sĩ bàn việc quân, việc nước => công việc chính trị khô khan khó có thể xuất hiện cảm hứng thơ ca nhưng trong câu thứ tư, khi việc quân tạm chấm dứt, con thuyền trở về, ánh trăng như một nhân vật thứ ba tràn xuống làm đầy thuyền => con thuyền quân sự biến thành “con thuyền thơ”, người chiến sĩ trở thành nhà thơ => Mối tương quan giữa người nghệ sĩ và người chiến sĩ.

thức.

	vừa có bản lĩnh vừa có tâm hồn phong phú	
--	--	--

b. Sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ

- Điểm chung giữa hình tượng không gian và thời gian trong hai bài thơ:

+ Điều tuân theo sự vận động khách quan: Bài *Mộ* từ chiều tối (chim về tổ) đến đêm và kết thúc với hình ảnh lò lửa. Bài *Nguyên tiêu*: từ tối (rằm tháng Giêng) đến đêm khuya mà người chiến sĩ vẫn bàn việc quân.

+ Thể hiện cách nhìn cuộc sống luôn hướng tới những điều lạc quan, chủ động nắm bắt cuộc sống, hài hoà, tinh tế với thiên nhiên.

– Điểm khác nhau:

+ Thời gian tâm trạng của bài *Mộ* vận động khác với thời gian tự nhiên: từ bóng tối (xóm núi sơn cước) ra ánh sáng (lò lửa) . Thời gian tâm trạng của bài *Nguyên tiêu* hoà nhịp theo chiều của thời gian tự nhiên (vàng trăng hướng về con thuyền đang có người bàn việc quân).

+ Hình tượng thơ: Bài *Mộ* xuất phát từ không gian thiên nhiên (cánh chim, chòm mây) đến cảnh sinh hoạt của con người (thiếu nữ xay ngô). Bài *Nguyên tiêu* xuất phát từ thiên nhiên (trăng rằm, sông nước,...) đến cảnh hài hoà giữa thiên nhiên và con người (khói sóng vắng lặng có người bàn việc quân, thuyền về chờ đầy ngập ánh trăng tràn sức xuân).

+ Cách nhìn của tác giả đối với chiều hướng phát triển của sự vật:

++ Trong bài *Mộ*: từ thiên nhiên đến con người, từ viễn cảnh đến cận cảnh, từ ngoại cảnh đến tâm cảnh. Thế giới tâm hồn của con người thể hiện rõ qua việc nhà thơ luôn hướng về ánh sáng, về cuộc sống, dầu là trong hoàn cảnh gian khổ nhất của thân phận.

++ Trong bài *Nguyên tiêu*: chủ động nắm bắt những biến chuyển cụ thể, vi tế của đời sống tạo vật; từ thiên nhiên đến con người; từ ngoại cảnh đến tâm cảnh. Tầm hồn thi nhân và phong thái người chiến sĩ thể hiện hài hoà, tinh tế.

* Hướng dẫn HS tìm hiểu về cấu tứ thơ

Tìm hiểu về hai câu đầu:

HÌNH THỨC NHÓM BÀN

Bước 1: Chuyển giao

3.Cấu tứ thơ

Cấu tứ thơ	Mộ	Nguyên tiêu
Cách triển khai mạch cảm xúc	Giao hoà với thiên nhiên, hướng về phía ánh sáng.	Chủ động nắm bắt thiên nhiên.
Cách triển khai hình tượng	Từ thiên nhiên đến con người.	

nhiệm vụ - Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động nhóm. - GV: chiếu <u>Phiếu học tập số 04</u>. Tìm hiểu hai câu thơ đầu - HS thảo luận nhóm, thời gian 4 phút - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	Tư tưởng, chủ đề Tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, ý chí vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà thơ chiến sĩ Hồ Chí Minh. Tình cảm với thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Hồ Chí Minh.				
* Tìm hiểu bút pháp hội họa, ngôn ngữ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HOẠT ĐỘNG NHÓM— KỸ THUẬT KHĂN TRẢI	4. Bút pháp hội họa đặc sắc, ngôn ngữ độc đáo a. Bút pháp hội họa đặc sắc <table><tr><th><i>Mộ (Chiều tối)</i></th><th><i>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</i></th></tr><tr><td>- Đối lập giữa cái hữu hạn và vô hạn (cánh chim đơn lẻ – khung cảnh trời chiều, chòm</td><td>- Bút pháp tạo hình miêu tả bức tranh (mùa xuân được nhìn từ cận cảnh đến viễn</td></tr></table>	<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</i>	- Đối lập giữa cái hữu hạn và vô hạn (cánh chim đơn lẻ – khung cảnh trời chiều, chòm	- Bút pháp tạo hình miêu tả bức tranh (mùa xuân được nhìn từ cận cảnh đến viễn
<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</i>				
- Đối lập giữa cái hữu hạn và vô hạn (cánh chim đơn lẻ – khung cảnh trời chiều, chòm	- Bút pháp tạo hình miêu tả bức tranh (mùa xuân được nhìn từ cận cảnh đến viễn				

BÀN - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: thực hiện phiếu HT số 04 (GV chiếu phiếu lên, yêu cầu HS đọc để xác định yêu cầu) + Nhóm 1, 2: Bút pháp hội họa đặc sắc. + Nhóm 3, 4: Ngôn ngữ độc đáo (so sánh bản dịch thơ và phiên âm) - Thời gian: 5 phút. Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ - Mỗi người ngồi vào vị trí theo kĩ thuật khăn trải bàn. - Tập trung vào câu hỏi (trong phiếu HT) - Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về câu hỏi trong phiếu) Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút - Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời	mây cô đơn – không gian rộng lớn); - Thủ pháp “điểm nhãn”: tô đậm hình ảnh thiếu nữ và lò than cháy rực trong khung cảnh chiều tối miền sơn cước,...	cảnh, nhiều tầng bậc); - Thủ pháp “hư – thực” (khói sóng hư ảo – con thuyền trắng chở người bàn việc quân).				
b. Ngôn ngữ độc đáo Một số từ ngữ chưa diễn đạt hết sắc thái và hàm nghĩa của nguyên văn: <table><tr><th><i>Mộ (Chiều tối)</i></th><th><i>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</i></th></tr><tr><td> - Các cụm từ <i>chim mỏi</i> và <i>chòm mây</i> chưa lột tả được ý nghĩa của các từ ngữ đặc tả <i>quyện</i>, <i>cô</i> trong nguyên văn, vốn là các từ biểu đạt rất sâu sắc trạng thái tâm lí của con người. - Từ <i>hồng</i> trong bản dịch thường được hiểu là màu hồng-một tính từ chỉ màu sắc; trong khi từ <i>hồng</i> trong nghĩa văn có nghĩa là đốt cháy, thấp lên, làm cho rực cháy lên,... </td><td> - Câu 1: Nguyên văn nhấn mạnh “thời điểm” và hình ảnh vàng trang đạt đến độ tròn đầy (<i>chính</i>: vừa đúng, vừa khớp; <i>viên</i>: tròn trịa, viên mãn). Bản dịch tuy đảm bảo được yêu cầu “nhã”, nhưng chỉ nhấn mạnh vẻ đẹp, ánh sáng bên ngoài. - Câu 2: Nguyên văn lặp lại từ <i>xuân</i> ba lần, với dụng ý nhấn mạnh vẻ xuân - sắc xuân - sức xuân của sông - nước - bầu trời; từ <i>tiếp</i> biểu thị sự vận động nối liền từ cận cảnh đến viễn cảnh. Bản dịch chưa thể hiện rõ điều này. - Câu 3: Cụm từ <i>giữa dòng</i> chưa biểu đạt được ý nghĩa của cụm từ <i>yên ba thâm xứ</i> (nơi khói sóng heo hút tĩnh lặng) trong nguyên văn. </td></tr></table>			<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</i>	- Các cụm từ <i>chim mỏi</i> và <i>chòm mây</i> chưa lột tả được ý nghĩa của các từ ngữ đặc tả <i>quyện</i>, <i>cô</i> trong nguyên văn, vốn là các từ biểu đạt rất sâu sắc trạng thái tâm lí của con người. - Từ <i>hồng</i> trong bản dịch thường được hiểu là màu hồng-một tính từ chỉ màu sắc; trong khi từ <i>hồng</i> trong nghĩa văn có nghĩa là đốt cháy, thấp lên, làm cho rực cháy lên,...	- Câu 1: Nguyên văn nhấn mạnh “thời điểm” và hình ảnh vàng trang đạt đến độ tròn đầy (<i>chính</i>: vừa đúng, vừa khớp; <i>viên</i>: tròn trịa, viên mãn). Bản dịch tuy đảm bảo được yêu cầu “nhã”, nhưng chỉ nhấn mạnh vẻ đẹp, ánh sáng bên ngoài. - Câu 2: Nguyên văn lặp lại từ <i>xuân</i> ba lần, với dụng ý nhấn mạnh vẻ xuân - sắc xuân - sức xuân của sông - nước - bầu trời; từ <i>tiếp</i> biểu thị sự vận động nối liền từ cận cảnh đến viễn cảnh. Bản dịch chưa thể hiện rõ điều này. - Câu 3: Cụm từ <i>giữa dòng</i> chưa biểu đạt được ý nghĩa của cụm từ <i>yên ba thâm xứ</i> (nơi khói sóng heo hút tĩnh lặng) trong nguyên văn.
<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</i>					
- Các cụm từ <i>chim mỏi</i> và <i>chòm mây</i> chưa lột tả được ý nghĩa của các từ ngữ đặc tả <i>quyện</i>, <i>cô</i> trong nguyên văn, vốn là các từ biểu đạt rất sâu sắc trạng thái tâm lí của con người. - Từ <i>hồng</i> trong bản dịch thường được hiểu là màu hồng-một tính từ chỉ màu sắc; trong khi từ <i>hồng</i> trong nghĩa văn có nghĩa là đốt cháy, thấp lên, làm cho rực cháy lên,...	- Câu 1: Nguyên văn nhấn mạnh “thời điểm” và hình ảnh vàng trang đạt đến độ tròn đầy (<i>chính</i>: vừa đúng, vừa khớp; <i>viên</i>: tròn trịa, viên mãn). Bản dịch tuy đảm bảo được yêu cầu “nhã”, nhưng chỉ nhấn mạnh vẻ đẹp, ánh sáng bên ngoài. - Câu 2: Nguyên văn lặp lại từ <i>xuân</i> ba lần, với dụng ý nhấn mạnh vẻ xuân - sắc xuân - sức xuân của sông - nước - bầu trời; từ <i>tiếp</i> biểu thị sự vận động nối liền từ cận cảnh đến viễn cảnh. Bản dịch chưa thể hiện rõ điều này. - Câu 3: Cụm từ <i>giữa dòng</i> chưa biểu đạt được ý nghĩa của cụm từ <i>yên ba thâm xứ</i> (nơi khói sóng heo hút tĩnh lặng) trong nguyên văn.					

- Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu thành viên từng nhóm cùng chia sẻ kết quả thảo luận của mình với nhóm. Sau đó, đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày.

- Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

Bước 4. Chuẩn kiến thức.

- Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.

GV chốt lại kiến thức.

*** Tìm hiểu dấu ấn của phong cách cổ điển trong mỗi tác phẩm**

Bước 1: Chuyển giao

- Câu 4: Nguyên văn nhấn mạnh động thái trắng trợn xuống làm đầy ăm ắp con thuyền bàn việc quân; còn bản dịch nhấn mạnh vẻ đẹp đầy tính nhạc (*trắng ngân*) vốn không có trong nguyên văn.

5. Dấu ấn phong cách cổ điển thể hiện trong hai bài thơ

Mộ	Nguyên tiêu
Dấu ấn phong cách cổ điển biểu hiện rõ nét qua: - Thể thơ tứ tuyệt Đường	Dấu ấn phong cách cổ điển biểu hiện rõ nét qua: - Thể thơ tứ tuyệt Đường

nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân: Chỉ ra dấu ấn của phong cách cổ điển trong mỗi tác phẩm (Có thể gợi mở về thể thơ, ngôn ngữ; thi liệu, hình ảnh; bút pháp nghệ thuật;...) Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	luật, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc. - Thi liệu, hình ảnh - không gian - thời gian ít nhiều có yếu tố ước lệ (không - thời gian trời chiều, hình ảnh chim bay về núi,...) - Bút pháp đối lập (cái hữu hạn và cái vô hạn, cái hữu hình và cái vô hình,...), đặc tả nội tâm (dùng từ ngữ chỉ tâm thế tồn tại của con người để miêu tả thế giới tự nhiên)	luật, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc. - Thi liệu, hình ảnh có tính chất ước lệ (vàng trắng, mùa xuân, sông nước, khói sóng,...), có những hình ảnh có thể quan niệm là điển cố (<i>yên bá thâm xứ</i>) - Bút pháp đồng nhất hình ảnh con người và vũ trụ. - Nghệ thuật chấm phá, đặc tả của hội họa phương Đông	
Hướng dẫn HS tổng kết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS trao đổi theo cặp trong bàn: - Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ	4. Tổng kết 4.1. Nghệ thuật - Cả 2 bài thơ viết bằng chữ Hán, theo thể thơ tứ tuyệt Đường luật: câu chữ cô đọng hàm súc, rất gần gũi với những bài thơ thời Đường, thời Tống nhưng cũng rất hiện đại với tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo - Hình ảnh đặc sắc, sử dụng các phép đối, điệp gợi hình gợi cảm.		

thuật của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	4.2. Nội dung - Bài thơ <i>Mộ</i> cho thấy vẻ đẹp của một tâm hồn, một nhân cách lớn, vừa rất nghệ sĩ, vừa có bản lĩnh phi thường của người chiến sĩ vĩ đại. Đó là tình yêu thiên nhiên đến mê say và phong thái ung dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay trong cảnh ngục tù cực khổ, tối tăm. - Bài thơ <i>Nguyên tiêu</i> cho thấy sự giao hoà giữa tâm hồn người nghệ sĩ và người chiến sĩ. Trong bối cảnh đất nước gian nguy, nhà thơ bận bịu với việc quân việc nước nhưng vẫn luôn rộng mở đón nhận những thanh âm tươi mới của cuộc sống.
--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02

Tìm hiểu thời điểm chiều tối và đêm trăng rằm tháng Giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ

Dựa vào hoàn cảnh sáng tác của mỗi tác phẩm, hãy chỉ ra tác động của thời điểm chiều tối và đêm trăng rằm tháng Giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ bằng cách điền vào PHT sau:

Bài thơ	Thời điểm	Tác động
<i>Mộ (Chiều tối)</i>		
<i>Nguyên</i>		

tiêu (Rằm tháng giêng)		
------------------------------	--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03:

Tìm hiểu hình tượng thơ và sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ

- Đọc lại hai văn bản và điền vào PHT sau:

Hình tượng thơ	Mộ (Chiều tối)	Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)
Bức tranh thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả thiên nhiên		
Hình ảnh con người		

- Trong hai bài thơ *Mộ* và *Nguyên tiêu*, sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ được tác giả thể hiện như thế nào? Bạn có cảm nhận gì về cách nhìn của tác giả đối với chiều hướng phát triển của sự vật?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 04:

Tìm hiểu cấu tứ thơ

Cấu tứ thơ	Mộ	Nguyên tiêu
Cách triển khai mạch cảm xúc		
Cách triển khai hình tượng		
Tư tưởng, chủ đề		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 05

Tìm hiểu bút pháp hội họa đặc sắc, ngôn ngữ độc đáo của hai bài thơ

	Mộ (Chiều tối)	Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)
Bút pháp hội họa đặc sắc		
Một số từ ngữ chưa diễn đạt hết sắc thái và hàm nghĩa của nguyên văn		

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ: Trò chơi “Hái lộc đầu xuân”

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm nhanh thông qua trò chơi “Hái lộc đầu xuân”.

Gợi ý nhóm câu hỏi:

Câu 1. Bài thơ *Mộ* và *Nguyên tiêu* (bản phiên âm) được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Thất ngôn trường thiên

D. Lục bát

Câu 2. Điểm chung về cách triển khai hình tượng thơ của hai bài thơ:

A. Từ con người đến thiên nhiên

B. Từ thiên nhiên đến con người

C. Thiên nhiên và con người song hành

D. Chỉ tập trung vào hình tượng thiên nhiên, con người lu mờ trước thiên nhiên.

Câu 3. Đáp án nào đúng khi nói về hoàn cảnh của nhân vật trữ tình trong bài *Mộ*?

A. Một người đi làm ăn xa quê

B. Một con người đang bàn việc quân, việc nước

C. Một con người yêu trăng

D. Một con người đang trong hoàn cảnh gông tù, xiềng xích

Câu 4. Bút pháp hội họa đặc sắc trong bài *Nguyên Tiêu* được thể hiện qua điều gì?

A. Đối lập giữa cái hữu hạn và vô hạn, thủ pháp “điểm nhãn”

B. Bút pháp tạo hình miêu tả bức tranh, thủ pháp “hư - thực”

C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 5. Nhận định nào đúng khi khái quát về hoàn cảnh sáng tác của hai bài thơ?

A. Cả hai bài thơ đều được sáng tác khi nhà thơ đang bị bắt giam tại nhà tù Tưởng Giới Thạch.

B. Cả hai bài thơ đều được sáng tác khi nhà thơ đang lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp tại chiến khu Việt Bắc.

C. Bài thơ *Mộ* được sáng tác khi nhà thơ đang bị bắt giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, còn bài *Nguyên tiêu* được sáng tác trong giai đoạn đầu của kháng chiến chống Pháp

D. Bài thơ *Nguyên tiêu* được sáng tác khi nhà thơ đang bị bắt giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, còn bài *Mộ* được sáng tác trong giai đoạn đầu của kháng chiến chống Pháp

Câu 6. Hình ảnh *trăng đầy thuyền* trong bài *Nguyên tiêu* gợi cho chúng ta điều gì về mối tương quan giữa người chiến sĩ và người nghệ sĩ ở nhân vật trữ tình.

A. Người chiến sĩ và người nghệ sĩ tách biệt, không có sự tương quan

B. Người chiến sĩ là chính, người nghệ sĩ bị mờ nhạt trong hoàn cảnh đất nước lâm nguy

C. Người chiến sĩ và người nghệ sĩ hài hoà, đồng điệu

D. Người nghệ sĩ luôn thường trực, người chiến sĩ bị lu mờ trước cảnh đẹp của trăng

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tham gia trò chơi.
- GV động viên, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV công bố đáp án đúng.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV công bố đội chiến thắng, chuẩn kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân

Yêu cầu: Nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét “*Thơ bác đầy trăng*”. Hãy tìm những bài thơ khác của Bác viết về trăng và cho biết *trăng* trong bài “*Nguyên tiêu*” và hình ảnh trăng được thể hiện trong các bài thơ khác của Bác có gì đáng chú ý?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:
- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Gợi ý:

- HS trình bày cách hiểu theo nhiều cách, đảm bảo đủ các ý sau:

- Nhận định của Hoài Thanh: Nhận xét của Hoài Thanh “Thơ bác đầy trăng” có thể hiểu là trong thơ bác có nhiều bài viết về trăng và những cảnh trăng trong thơ của Người được miêu tả rất đẹp và đầy ấn tượng.

Các bài thơ tiêu biểu của Người viết về đề tài trăng như: *Rằm tháng giêng*, *Ngắm trăng (Vọng nguyệt)*, *Trung thu*, *Đêm thu*, *Tin thắng trận*, *Cảnh khuya*, ...

- So với các sáng tác trên, trăng trong *Rằm tháng giêng* là vàng trăng tràn tràn đầy, ánh trăng lồng lộng tràn ngập cả bầu trời đầy ắp sắc xuân. Cuộc ngắm trăng trong *Vọng nguyệt* diễn ra trong khung cảnh tù đầy giống như một cuộc ngắm trăng ở trong các bài thơ trong *Nhật kí trong tù*. Và có thể nói hình ảnh trăng ở mỗi bài thơ của bác mỗi khác. Trong *Cảnh khuya* là trăng đẹp tươi kì ảo giống như một bức tranh sơn mài lồng lộng lẫy. Tất cả là do Hồ Chí Minh của một tâm hồn nghệ sĩ luôn rộng mở, giao hòa với trăng – một biểu tượng cho cái đẹp tuyệt vời, vĩnh cửu của vũ trụ.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm tác phẩm thơ trữ tình của Hồ Chí Minh
- Chuẩn bị: Văn bản 5: *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (Nguyễn Ái Quốc)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

Tiết 60,61

Văn bản 5. NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VA-REN VÀ PHAN BỘI CHÂU
-Nguyễn Ái Quốc-

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (05 phút)

a. Mục tiêu: Kết nối tri thức cũ. Tạo hứng thú. Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi ô chữ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về Phan Bội Châu và Va-ren. Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận GV dẫn vào bài: Phan Bội Châu và Va-ren là hai nhân vật chính của truyện ngắn <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i> - một trong những truyện ngắn tiêu biểu của Nguyễn Ái Quốc. Và đó cũng chính là truyện ngắn mà cô trò chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay!	* Phan Bội Châu: - Tiểu sử: + Tên thật là Phan Văn San, hiệu Sào Nam. + Quê: huyện Nam Đàn, Nghệ An. + Ông nổi tiếng thông minh từ nhỏ, sớm nung nấu con đường cứu nước theo tư tưởng mới. + 1904, ông cùng 20 chiến sĩ thành lập hội Duy tân chống Pháp. + 1905, ông là người mở đường cho phong trào Đông Du, thành lập Việt Nam Quang phục hội + 1925, ông bị thực dân Pháp bắt và kết án tù chung thân * Sự nghiệp văn học: - Ông là cây bút xuất sắc của văn chương Cách mạng. Các tác phẩm chính: “Việt Nam vong quốc sử”, “Hải ngoại huyết thư”, “Ngục trung thư”, “Trùng Quang tâm sử”, “Phan Sào Nam văn tập”, “Phan Bội Châu niên biểu”,.... - Phong cách sáng tác: Văn chương ông có hình thức cổ điển nhưng vẫn mới mẻ. Đó là vũ khí để tuyên truyền cổ động, thơ văn ông đã làm rung động biết bao con tim yêu nước. * Alexandre Varenne (phiên âm tiếng việt: A-léc-xăng Va-ren), (1870 - 1947) là một nhà báo và <u>chính trị gia</u> người Pháp. Ông cũng là người sáng lập tờ báo <i>La Montagne</i>. - Ông sinh tại <u>Clermont-Ferrand, Pháp</u>, sang nhậm chức <u>Toàn quyền</u> ở <u>Đông Dương</u> vào ngày 28 tháng 07 năm 1925 lúc 55 tuổi. - Ông từng là đảng viên <u>Đảng Xã hội Pháp</u>. Khi toàn quyền

	Merlin bị nhà cách mạng Phạm Hồng Thái thuộc Việt Nam Quang phục hội giết hụt ở Sa Diện, Quảng Đông (Trung Quốc) thì Paris cử Varenne sang chấp chính hầu xoa dịu tình hình ở Đông Dương.
--	---

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (70 phút)

2.1. Đọc và tìm hiểu chung

- a. Mục tiêu:**
 - Nắm được những nét chung về tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*
 - Biết đọc hiểu một truyện ngắn qua văn bản *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*
- b. Nội dung hoạt động:** HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về tác phẩm và đoạn trích.
- c. Sản phẩm:** Phiếu học tập.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm						
Bước 1: GV giao nhiệm vụ (1) Hướng dẫn HS đọc truyện: Giọng đọc rõ ràng, dứt khoát, đôi chỗ mỉa mai, chế nhạo; chú ý lời đối thoại của các nhân vật, và thái độ của người kể. - Gv yêu cầu một số HS đọc VB. (2) Dựa vào sự hiểu biết của bản thân và thông tin trong sgk, các em hãy giới thiệu với bạn bên cạnh em những nét cơ bản nhất về truyện ngắn <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i> PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01 - Giới thiệu các thông tin cơ bản về tác phẩm <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội châu</i> (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, ...) <table> <tr> <td>Xuất xứ</td><td></td></tr> <tr> <td>Hoàn cảnh sáng tác</td><td></td></tr> <tr> <td>Thể loại</td><td></td></tr> </table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB - HS trao đổi đưa ra câu trả lời - GV quan sát HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1-2 HS giới thiệu về tác giả, tác phẩm trước lớp - HS khác bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức	Xuất xứ		Hoàn cảnh sáng tác		Thể loại		I.Tìm hiểu chung 1. Tìm hiểu từ khó 2. Tác giả: Nguyễn Ái Quốc, tên gọi của Hồ Chí Minh, lúc Người hoạt động cách mạng tại Pháp. 3. Truyện ngắn <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i> Xuất xứ: được tác giả viết bằng tiếng Pháp, đăng trên báo <i>Người cùng khổ (Le Paria)</i>, số 36 - 37, tháng 9, 10/2025 với bút danh Nguyễn Ái Quốc Hoàn cảnh sáng tác: Tác phẩm được viết ngay sau khi nhà cách mạng Phan Bội Châu bị bắt cóc (18-6-1925) ở Trung Quốc giải về giam ở Hỏa Lò và sắp bị xử án, còn Va-ren thì chuẩn bị sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương. Thể loại: Truyện ngắn
Xuất xứ							
Hoàn cảnh sáng tác							
Thể loại							

2. 2. Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:**
 - Nhận biết, phân tích và đánh giá được một số yếu tố về hình thức (các chi tiết tiêu biểu, sự kết nối

giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu); nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, triết lí nhân sinh; cảm hứng trào lộng) của truyện ngắn *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*;

- Phân tích được quan điểm, tài năng viết truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc.

- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

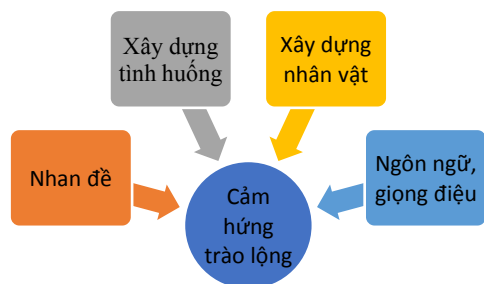
Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm												
Nhiệm vụ 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu bố cục, cốt truyện và tình huống truyện <i>Vĩ hành</i> HD cặp đôi GV giao nhiệm vụ: Em hãy đọc lướt truyện để xác định các nội dung yêu cầu của tác phẩm theo phiếu học tập số 02: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02 - Nêu nội dung cơ bản của mỗi phần trong văn bản. - Truyện viết về những sự việc gì và có những nhân vật nào? - Tình huống của truyện <i>Những trò lố hay là va-ren và Phan Bội Châu</i> độc đáo như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiến hành đọc cá nhân. - Xác định bố cục và nội dung của mỗi phần, chỉ ra các nhân vật, nhận xét về tình huống truyện theo các cặp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các cặp nêu lên thứ tự các bố cục, nhân vật, tình huống truyện (GV gọi từ 2-3 HS) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu cảm hứng trào lộng thể hiện qua tác phẩm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	II. Khám phá văn bản 1. Bố cục, cốt truyện và tình huống truyện a. Bố cục: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Phần</th><th>Nội dung mạch truyện</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1 Từ đầu đến “giam trong tù”</td><td>Mở đầu</td></tr> <tr> <td>2 Từ “Đến Sài Gòn” đến “vẫn nằm tù”</td><td>Trò lố 1: Va-ren tuần du Sài Gòn</td></tr> <tr> <td>3 Từ “Từ Sài Gòn” đến “vẫn nằm tù”</td><td>Trò lố 2: Triều đình Huế nghênh tiếp Va-ren</td></tr> <tr> <td>4 Từ “Nhưng chúng ta” đến “hiểu Phan Bội Châu”</td><td>Trò lố 3: Va-ren vào nhà giam thuyết phục Phan Bội Châu hợp tác.</td></tr> <tr> <td>5 Từ “Cuộc gặp gỡ” đến hết</td><td>Kết thúc</td></tr> </tbody> </table> - Cốt truyện: + Sự việc chính: Truyện viết về sự việc Va-ren sang An Nam nhậm chức Toàn quyền Đông Dương và cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu. + Nhân vật: ++ Nhân vật chính: Va-ren và Phan Bội Châu ++ Nhân vật phụ: dân chúng và triều đình An Nam. - Tình huống truyện: Cuộc gặp gỡ của Va-ren - Toàn quyền Đông Dương và Phan Bội Châu - tù nhân, chí sĩ yêu nước. 2. Cảm hứng trào lộng thể hiện qua tác phẩm a. Khái niệm cảm hứng trào lộng	Phần	Nội dung mạch truyện	1 Từ đầu đến “giam trong tù”	Mở đầu	2 Từ “Đến Sài Gòn” đến “vẫn nằm tù”	Trò lố 1: Va-ren tuần du Sài Gòn	3 Từ “Từ Sài Gòn” đến “vẫn nằm tù”	Trò lố 2: Triều đình Huế nghênh tiếp Va-ren	4 Từ “Nhưng chúng ta” đến “hiểu Phan Bội Châu”	Trò lố 3: Va-ren vào nhà giam thuyết phục Phan Bội Châu hợp tác.	5 Từ “Cuộc gặp gỡ” đến hết	Kết thúc
Phần	Nội dung mạch truyện												
1 Từ đầu đến “giam trong tù”	Mở đầu												
2 Từ “Đến Sài Gòn” đến “vẫn nằm tù”	Trò lố 1: Va-ren tuần du Sài Gòn												
3 Từ “Từ Sài Gòn” đến “vẫn nằm tù”	Trò lố 2: Triều đình Huế nghênh tiếp Va-ren												
4 Từ “Nhưng chúng ta” đến “hiểu Phan Bội Châu”	Trò lố 3: Va-ren vào nhà giam thuyết phục Phan Bội Châu hợp tác.												
5 Từ “Cuộc gặp gỡ” đến hết	Kết thúc												

HD cá nhân

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03

Tìm hiểu cảm hứng trào lộng được thể hiện qua tác phẩm

- Nêu khái niệm cảm hứng trào lộng.
- Hoàn thiện các phương diện thể hiện cảm hứng trào lộng bằng việc hoàn thiện sơ đồ sau:



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ
GV quan sát, khích lệ HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 nhóm đại diện trình bày
Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt kiến thức

Nhiệm vụ 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu chân dung hí họa của quan toàn quyền Đông Dương Va-ren

HD nhóm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao nhiệm vụ chung cho 3 nhóm.

PHT 04

Nhóm 1, 2: Tìm hiểu lời hứa của Va-ren, tìm hiểu Va-ren và dân chúng, Va-ren và triều đình An Nam

1. Lời hứa của Va-ren:

- Lời hứa của Va-ren:.....
- Thực chất của lời hứa:.....
- Lời bình của tác giả:

- Cảm hứng trào lộng gắn với sự thôi thúc bên trong của người viết muốn bóc trần thực chất của sự vật, sự việc trên một phương diện nào đó bằng tiếng cười gồm nhiều sắc thái.
- Cảm hứng trào lộng được thể hiện khác nhau tùy theo phong cách nghệ thuật của từng nhà văn và tùy theo thể loại được sử dụng.

b. Biểu hiện của cảm hứng trào lộng qua tác phẩm

- Nhan đề: hạ bệ một sự kiện chính trị thành “*những trò lố*” nực cười.
- Xây dựng tình huống: tưởng tượng về cuộc gặp gỡ giữa hai bên, hai lực lượng đối địch.
- Xây dựng nhân vật: dựng một chân dung hí họa về quan toàn quyền Đông Dương.
- Ngôn ngữ, giọng điệu: châm biếm, giễu nhại.

3. Chân dung hí họa của quan toàn quyền Đông Dương Va-ren

- Lời hứa của Va-ren với Phan Bội Châu

+ Lời hứa của Va-ren: Va-ren nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu

=> Lời hứa mập mờ, chứa đựng sự hài hước, lố bịch.

+ Thực chất của lời hứa: ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào ngài yên vị thật xong xuôi bên ấy đã.

=> Coi lời hứa không quan trọng bằng việc ổn định công việc, địa vị của mình.

+ Lời bình của tác giả: liệu quan Toàn quyền Pháp Va-ren sẽ “chăm sóc” vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.

=> Sử dụng hàng loạt các từ nghi vấn, qua đó cho thấy thái

=> Nhận xét:.....

2. Va-ren và dân chúng

- Hành động “tuần du” của Va-ren thể hiện.....
- Trong cuộc “tuần du”, cái nhìn của Va-ren với thành phố Đông Dương.....
- Thái độ của dân chúng:.....

=> Nhận xét:.....

3. Va-ren và triều đình An Nam

- Sự ghenh tiếp của triều đình An Nam:.....
- Nhận xét:

PHT 05

Nhóm 3, 4: Tìm hiểu sự tương phản giữa Va-ren và Phan Bội Châu:

	Va-ren	Phan Bội Châu
Địa vị		
Tiểu sử/lai lịch		
Hành vi		
Lời nói		
Thái độ		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ
GV quan sát, khích lệ HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 nhóm đại diện trình bày
Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt kiến thức

độ mỉa mai, giễu cợt của tác giả.

- Va-ren và dân chúng:

+ Va-ren đi “tuần du” Sài Gòn => “tuần du” vốn là hoạt động của nhà vua, được tác giả gắn với hoạt động của Va-ren để tỏ ý châm biếm, xem Va-ren chẳng khác gì một ông vua ở xứ thuộc địa.

+ Trong cuộc tuần du, Va-ren thấy cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương: những culi xe kéo xe tay phóng cật lực..., những quả dưa hấu bỏ phanh...những xôi lạp xưởng lủng lẳng, cái rón một chú khách, một viên quan uể oải bước qua => Dưới con mắt của Va-ren, quang cảnh lộn xộn, nhốn nháo, mông muội

+ Dân chúng: sự chỉ trích, lời nói cho thấy Va-ren mang tướng mạo bất lương, trang phục kì dị.

=> Châm biếm trò tuần du lộ bạch của Va-ren.

- **Va-ren và triều đình An Nam:** Triều đình An Nam ghenh tiếp Va-ren một cách long trọng: thăm hoàng cung, dự yến, tặng thưởng

=> Sự nhu nhược của triều đình phong kiến và sự hờn hĩnh của Va-ren đã tạo nên cảnh lộ bạch trong truyện.

- Cuộc gặp gỡ của Va-ren và Phan Bội Châu:

Tác giả sử dụng thủ pháp tương phản giữa hai nhân vật Va-ren và Phan Bội Châu:

	Va-ren	Phan Bội Châu
Địa vị	Toàn quyền Đông Dương	Tù nhân
Tiểu sử/Lai lịch	Đảng viên Đảng Xã hội Pháp	Chỉ sĩ yêu nước chống thực dân pháp
Hành vi	- Hứa “sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu”. - Tuần du Sài Gòn. - Dự yến, nhận tướng lệ. - Vào xà lim “tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gông to kệch đang xiết chặt Phan Bội Châu”	Nằm tù
Lời nói	- Dài dòng “Tôi đem... Toàn quyền...!” - Lập luận nguy hiểm xảo trá, chơ	Im lặng

	<table><tr><td></td><td>chèn.</td><td></td></tr><tr><td>Thái độ</td><td>Kẻ cả, ngạo nghễ: “Tôi biết rõ”, “ông nghe tôi”, “ông hãy nhìn tôi”,...</td><td>- Dửng dưng - Khinh bỉ (nhếch mép, nhô vào mặt)</td></tr></table>		chèn.		Thái độ	Kẻ cả, ngạo nghễ: “Tôi biết rõ”, “ông nghe tôi”, “ông hãy nhìn tôi”,...	- Dửng dưng - Khinh bỉ (nhếch mép, nhô vào mặt)
	chèn.						
Thái độ	Kẻ cả, ngạo nghễ: “Tôi biết rõ”, “ông nghe tôi”, “ông hãy nhìn tôi”,...	- Dửng dưng - Khinh bỉ (nhếch mép, nhô vào mặt)					
=> Nhận xét chung: - Va-ren là kẻ gian trá, lô bịch đại diện cho thực dân Pháp ở Đông Dương. - Phan Bội Châu kiên cường, bất khuất, xứng đáng là bậc anh hùng, vị thiên sứ, đáng xả thân vì độc lập, tiêu biểu cho khí phách của dân tộc Việt Nam.							
Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu một số đặc điểm về nghệ thuật trần thuật của truyện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: GV chia lớp làm 3 nhóm. - Nhóm 1: Tìm hiểu về điểm nhìn: Câu chuyện tưởng tượng về việc Va-ren sang Việt Nam nhậm chức và gặp Phan Bội Châu được kể từ những điểm nhìn nào? Việc tạo ra sự đa dạng về điểm nhìn có tác dụng gì? - Nhóm 2: Nêu cảm nhận về ngôn ngữ, giọng điệu của tác phẩm. - Nhóm 3: Phân kết thúc của truyện độc đáo ở những phương diện nào? (Gợi ý: Lạ, mở, bất ngờ). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ GV quan sát, khích lệ HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 1 nhóm đại diện trình bày Các nhóm khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức	4. Một số đặc điểm về nghệ thuật trần thuật của truyện a. Điểm nhìn - Câu chuyện được kể từ nhiều điểm nhìn khác nhau: điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn của nhân vật (Va-ren, dân chúng, anh lính đồng, nhân chứng thứ hai): + Phần 1: Ngôi kể thứ 3 kết hợp với đại từ xưng hô “chúng ta” thể hiện điểm nhìn của độc giả và những người cùng chí hướng đang hoạt động ở Pa-ri. + Phần 2: Câu chuyện được tiếp nối với nhiều điểm nhìn: điểm nhìn của Va-ren (lần đầu tiên được thấy một thành phố Đông Dương); điểm nhìn của người quan sát và kể chuyện (“Bỗng tất cả dừng lại...”); điểm nhìn của đám đông dân chúng (“Gì thế nhỉ?...điểm nhìn của chú bé con, chị con gái, anh sinh viên, bác cu li xe, nhà Nho. + Phần 3: Ngôi thứ 3 - điểm nhìn của người kể chuyện. + Phần 4: Ngôi thứ nhất (“chúng ta”) - điểm nhìn của tác giả. + Phần 5: Điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn của anh lính đồng, điểm nhìn của “nhân chứng thứ hai”. => Việc tạo ra sự đa dạng về điểm nhìn làm cho câu chuyện được kể một cách tự nhiên, sinh động, gợi ra nhiều tầng nghĩa. b. Ngôn ngữ, giọng điệu Lời văn châm biếm đã góp phần làm nên màu sắc trào lộng độc đáo của tác phẩm: - Nhại: “<i>sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu</i>”. - Ngôn ngữ miêu tả mang sắc thái châm biếm: “<i>hai con mắt của ông Va-ren được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương</i>”; “<i>đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng</i>”; “<i>những quả dưa hấu bổ phanh đở lòm lòm</i>”; “<i>những xương lủng lẳng dưới mái hiên</i>”. - Nói mỉa: “<i>ông Va-ren đã nửa chính thức hứa</i>”. - Trùng điệp: “<i>vẫn bị giam trong tù</i>”, “<i>vẫn nằm tù</i>”,... - Nghịch ngữ: “<i>Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị</i>						

	Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chẳng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi”. - Chơi chữ: “<i>những vị ấy, ngày nay lòng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã tôn thờ.</i>” => Lời văn châm biếm đã góp phần làm nên màu sắc trào lộng độc đáo của tác phẩm: c. Phần kết thúc truyện độc đáo Phần kết thúc độc đáo trên nhiều phương diện: - Lạ: Hiện thị trên văn bản thành một đoạn riêng biệt rồi lại được nối dài thêm bằng đoạn “T.B. - Một nhân chứng thứ hai...” T.B. = tái bút/viết thêm, tưởng như không quan trọng, thường chỉ thấy trong thư từ trao đổi cá nhân. - Mở: Gia tăng nhân vật trần thuật và điểm nhìn (anh lính đồng và nhân chứng thứ hai). Với cách làm này, người viết có thể tiếp tục tăng thêm nhân vật trần thuật (nhân chứng thứ ba, tư...) để mở thêm những điểm nhìn và những tình huống khác giúp cho việc diễn tả chủ đề sâu sắc và thú vị hơn. Phần kết thúc có thể mở rộng như vậy là vì ở phần trên, tác giả đã lưu ý về “đôi cánh của trí tưởng tượng”, chuẩn bị tâm thế cho việc trình bày những chi tiết hư cấu, bất ngờ. - Bất ngờ: Những chi tiết ở phần kết thúc đã tiếp nối với đoạn trên để diễn tả phản ứng của Phan Bội Châu đối với Va-ren thành một chuỗi tăng tiến (im lặng - đứng đưng - nhếch mép, cười ruồi - nhổ vào mặt) mà hành động thể hiện sự khinh bỉ, căm phẫn cao độ. Hành động này cho thấy khí phách phi phàm của Phan Bội Châu trước Toàn quyền Đông Dương, diễn ra xung đột quyết liệt giữa những người yêu nước ở xứ thuộc địa và chính quyền thực dân.
4. Nhiệm vụ 5. Tìm hiểu quan điểm nghệ thuật của Hồ Chí Minh và những giá trị lịch sử văn hoá thể hiện trong tác phẩm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Quan điểm nghệ thuật của Hồ Chí Minh được thể hiện như thế nào trong tác phẩm <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i>? Cho biết giá trị lịch sử văn hoá của tác phẩm này. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ, làm việc cá nhân. GV quan sát, khích lệ HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 1-2 HS trả lời.	5. Quan điểm nghệ thuật của Hồ Chí Minh và những giá trị lịch sử văn hoá thể hiện trong tác phẩm Câu chuyện đã vạch trần sự giả dối nguy hiểm của chế độ thực dân, ủng hộ phong trào đòi thả Phan Bội Châu; thể hiện quan điểm đấu tranh cách mạng là tất yếu để giành lại độc lập, tự do và tiêu diệt những kẻ huênh hoang, hợm hĩnh, đàn áp, bóc lột nhân dân ta. => Qua đó, tác giả ca ngợi dũng khí, sự khảng khái, bình tĩnh của Phan Bội Châu trước Va-ren và chế nhạo sự ngạo nghễ, lố bịch, nguy hiểm của kẻ thù.

Các HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	
--	--

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu:

- Đánh giá được giá trị nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa cơ bản của truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

b. Nội dung hoạt động: thảo luận cặp đôi để đánh giá, khái quát

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: + Về sơ đồ tư duy khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm (theo mẫu) Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Nghệ thuật tương phản: Tác phẩm sử dụng nghệ thuật tương phản một cách thành công để làm nổi bật tính cách của hai nhân vật. Sự tương phản giữa sự xảo quyệt, hèn hạ của Va-ren và sự cương trực, bất khuất của Phan Bội Châu tạo nên một sức hút mạnh mẽ. - Ngôn ngữ sắc sảo, giàu hình ảnh: Ngôn ngữ của tác phẩm sắc sảo, giàu hình ảnh, tạo nên những ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. - Cấu trúc chặt chẽ: Tác phẩm có cấu trúc chặt chẽ, logic, diễn biến câu chuyện hợp lý, tạo nên một tổng thể hoàn chỉnh. - Sử dụng biện pháp nghệ thuật trào lộng: Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật trào lộng để bộc lộ thái độ khinh bỉ đối với kẻ thù, đồng thời làm nổi bật sự dũng cảm của người anh hùng dân tộc. 2. Nội dung Từ việc khắc hoạ hình tượng hai nhân vật đối lập là Va-ren - Đại diện cho kẻ thù, là hình ảnh của một kẻ tham vọng, xảo quyệt, luôn tìm cách mua chuộc, dụ dỗ những người yêu nước và Phan Bội Châu - là biểu tượng của người anh hùng dân tộc, với ý chí sắt đá, lòng yêu nước nồng nàn, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc, tác giả đã tái hiện một cách sinh động cuộc đấu tranh chống thực dân của nhân dân ta. Qua đó, Người lên án tội ác của thực dân Pháp, phơi bày bộ mặt xảo quyệt, tàn bạo của chúng; đồng thời ca ngợi tinh thần yêu nước, bất khuất của dân tộc.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

- a. **Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
b. **Nội dung:** HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.
c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.
d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận, suy nghĩ của mình về một thủ pháp trào lộng đã được tác giả sử dụng trong tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren* và *Phan Bội Châu*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS lập dàn ý tại lớp

HS hoàn chỉnh đoạn văn ở nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo dàn ý ở trên lớp
- HS báo cáo sản phẩm hoàn thiện vào tiết học sau hoặc buổi chiều.

Bước 4: Kết luận, nhân định

Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà)

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Trình bày cảm nhận, suy nghĩ về một thủ pháp trào lộng đã được tác giả sử dụng trong tác phẩm <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i> .	
	Giới thiệu về thủ pháp trào lộng trong truyện ngắn “Vi hành” của Nguyễn Ái Quốc.	1
	- HS có thể lựa chọn một thủ pháp nghệ thuật mà mình thấy ấn tượng nhất để phân tích và lí giải như: đối lập, nhại, chơi chữ, trùng điệp, nói mỉa, ... Ví dụ: + Thủ pháp nói mỉa: “ông Va-ren đã nửa chính thức hứa”, mỉa mai lời hứa của ông Va-ren; “rậm râu, sâu mắt”, chỉ Va-ren là đồ bất lương, ... + Thủ pháp đối lập: giữa địa vị, lời nói, thái độ, hành động, cử chỉ của Va-ren và Phan Bội Châu. Qua đó, chế giễu sự ketch cồm, xảo trá của Va-ren và ca ngợi chí khí quật cường của Phan Bội Châu.	3,5
	- Tác dụng của việc sử dụng thủ pháp trào lộng: + Tạo tiếng cười châm biếm sâu cho tác phẩm. + Khắc hoạ sự tương phản giữa hai nhân vật; Va-ren - Toàn quyền Đông Dương và Phan Bội Châu - người chí sĩ yêu nước. + Gửi gắm quan điểm của nhà văn: Chế giễu, phê phán sự lố bịch, gian trá, xảo quyệt của Va-ren nói riêng và thực dân Pháp nói chung; đồng thời ca ngợi tinh thần bất khuất, kiên cường những người chí sĩ yêu nước.	3,5
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5

Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0
-----------------	---	------------

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (05 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về truyện ngắn giải quyết một tình huống cụ thể.

b. Nội dung: HS sáng tác đóng một màn kịch, vẽ một cảnh ấn tượng trong tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

c. Sản phẩm: kịch, tranh của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Lớp chia thành 2 nhóm: GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

+ Nêu ý tưởng vẽ minh họa cho một nội dung trong truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*. Thuyết trình về bức tranh đó.

+ Sân khấu hóa một nội dung trong truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

- Hoàn thành sản phẩm học tập đúng thời hạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS báo cáo vào tiết học buổi chiều.

Bước 4: Đánh giá, kết luận.

GV cung cấp Rubric đánh giá sản phẩm học tập nhóm:

Nhiệm vụ	Mức 1	Mức 2	Mức 3
- Vẽ minh họa cho một nội dung trong truyện <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i> (5 điểm) - Thuyết trình về bức tranh (5 điểm)	- Các nét vẽ chưa đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc. (1 - 2,5 điểm) - Thuyết trình chưa tự tin, chưa lột tả được hết vẻ đẹp của quê hương thể hiện qua bức tranh. (1 - 2,5 điểm)	- Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú. (2 - 3,5 điểm) - Thuyết trình tự tin, về cơ bản thể hiện được những cảnh vẽ trong bức tranh nhưng chưa thật ấn tượng, chưa có điểm nhấn (2 - 3,5 điểm)	-Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn. (4 - 5 điểm) - Thuyết trình tự tin, thể hiện được những cảnh vẽ trong bức tranh về quê hương thật ấn tượng, để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người người nghe. (4 - 5 điểm)
Sân khấu hóa một nội dung trong truyện	Đoạn kịch thể hiện được một nội dung trong truyện nhưng nội dung sơ	Đoạn kịch thể hiện được một nội dung trong truyện có nội dung, lời thoại,	Đoạn kịch thể hiện được một nội dung trong truyện lời thoại, biểu cảm của

<i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (10 điểm)</i>	sài, lời thoại, biểu cảm của nhân vật chưa thật phù hợp với nội dung (5 – 6 điểm)	biểu cảm của nhân vật tương đối đảm bảo yêu cầu, tuy nhiên chưa có điểm nhấn thật ấn tượng, đặc sắc. (7 – 8 điểm)	nhân vật sắc nét; ẩn ý, nội dung phù hợp, có nhiều điểm nhấn ấn tượng, tạo dấu ấn sâu đậm trong lòng người xem. (9 - 10 điểm)
--	--	--	---

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm một số truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc để đọc và tìm hiểu về tác phẩm
- Hoàn thành bài tập ở phần vận dụng: vẽ một cảnh ấn tượng, hoặc sân khấu hóa một nội dung trong truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc: *Vọng nguyệt (Ngắm trăng)*, *Cảnh khuya*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 62

THTV: MỘT SỐ BIỆN PHÁP LÀM TĂNG TÍNH KHẲNG ĐỊNH, PHỦ ĐỊNH TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS nghe hát, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Sắp xếp các câu văn sau vào cột tương ứng trong bảng bên	Câu khẳng định	Câu phủ định

dưới:

- (1) Hôm nay, lớp em có tiết học Ngữ văn.
- (2) Tôi không thể không đi làm vào thứ hai.
- (3) Cô ấy rất đẹp.
- (4) Tôi không đủ tự tin để hoàn thành tốt bài thuyết trình của mình.
- (5) Anh không nghĩ là mình đã sai chứ?
- (6) Chúng ta có một buổi họp vào chiều nay.
- (7) Trong màn đêm tĩnh mịch, không có một tiếng động nào.
- (8) Tôi chưa bao giờ nhìn thấy cảnh đẹp như thế này.
- (9) Tôi đã hoàn thành công việc.
- (10) Cô ấy chưa hài lòng với kết quả

Câu khẳng định	Câu phủ định

(1), (2), (3), (6), (9)	(4), (5), (7), (8), (10)
----------------------------	-----------------------------

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ, sắp xếp theo yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -2 HS trả lời

HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời.

- GV dẫn vào bài: Câu khẳng định, câu phủ định là những dạng câu có vai trò quan trọng trong giao tiếp, giúp người nói và người nghe hiểu rõ ý nghĩa khẳng định hoặc phủ định của thông tin được truyền đạt. Tương tự như vậy, tính khẳng định, phủ định cũng rất quan trọng trong văn bản nghị luận; chúng giúp thể hiện rõ hơn quan điểm, thái độ của tác giả với vấn đề nghị luận. Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu một số biện pháp để làm tăng tính khẳng định, phủ định của VB nghị luận.

2. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH (25 phút)

2.1 Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

a. Mục tiêu: HS nhận biết một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận

b. Nội dung: HS đọc sách sgk, thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS HĐ cặp đôi: Đọc lại phần tri thức Ngữ văn (tr. 5; tr. 27, 28-sgk) và hoàn thành PHT sau: PHT 01: Tri thức Ngữ văn về tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận: 1. Điền từ thích hợp vào dấu “...”. Vai trò của tính khẳng định, phủ định trong VB nghị luận + Tính khẳng định gắn với nội dung (1)... người đọc tin vào sự (2)... của một luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin nào đó. + Tính phủ định gắn với ý đồ (3)... những luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin mà tác giả cho là sai trái hoặc không phù hợp. + Đằng sau sự khẳng định luôn ẩn chứa thái độ (4)... một đối tượng đối lập, còn sự phủ định thì luôn được thể hiện dựa trên thái độ (5) =... một đối tượng khác. 2. Điền biện pháp thích hợp - Biện pháp làm tăng tính khẳng định:.....	I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT 1. Tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận: - Trong VB nghị luận, tính khẳng định và tính phủ định luôn song hành: + Tính khẳng định gắn với nội dung thuyết phục người đọc tin vào sự đúng đắn của một luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin nào đó. + Tính phủ định gắn với ý đồ phản bác những luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin mà tác giả cho là sai trái hoặc không phù hợp. + Đằng sau sự khẳng định luôn ẩn chứa thái độ phủ định một đối tượng đối lập, còn sự phủ định thì luôn được thể hiện dựa trên thái độ khẳng định một đối tượng khác. 2. Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong VB nghị luận - Biện pháp làm tăng tính khẳng định: + Sử dụng các từ ngữ mang nghĩa khẳng định: <i>chắc chắn, tất nhiên, rõ ràng, chỉ có thể, không thể chối cãi,...</i> + Sử dụng những từ ngữ thể hiện quy mô áp đảo, phạm vi khái quát (không trừ cá thể nào) hoặc trạng thái ổn định: <i>tất cả, mọi, toàn thể, luôn luôn, thường xuyên,...</i> + Sử dụng kiểu câu phổ biến câu khiến, thể hiện ý khẳng định. + Sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ nhấn mạnh ý được khẳng định. - Biện pháp làm tăng tính phủ định: + Sử dụng các từ ngữ mang nghĩa phủ định: <i>chưa từng, không, không hề, chẳng, chẳng bao giờ,...</i> + Sử dụng những từ ngữ biểu thị ý nghĩa hạn chế: <i>không mấy, chẳng bao nhiêu, ít khi,...</i> + Sử dụng phổ biến kiểu câu hỏi thể hiện ý nghĩa nghi ngờ, chất vấn. + Sử dụng các danh từ, đại từ thể hiện thái độ đánh giá tiêu cực (coi thường, khinh bỉ, căm ghét,...) để chỉ đối tượng bị đả kích.

..... - Biện pháp làm tăng tính phủ định: 	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi hoàn thành thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1 - 2 cặp đôi trả lời. - Các cặp đôi còn lại nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	

2..2 Thực hành, luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được đặc điểm của một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
- HS phân tích hiệu quả của việc sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
- HS vận dụng được một cách sáng tạo các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định khi viết bài văn nghị luận.

b. Nội dung: HS làm BT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* NV1: Thực hiện BT1, 2, 3, 4 (tr. 27, 28) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm, đại diện nhóm lên bốc thăm phân việc (tương ứng với 4 bài tập trong sgk):	II. Thực hành Bài tập 1. Cách tác giả làm tăng tính khẳng định của các luận điểm sau đây trong <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> khi trích dẫn hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của nước Mỹ và nước Pháp: – Sử dụng các từ ngữ có ý nghĩa khẳng định: <i>không ai chối cãi được, trái hẳn</i>.

- + Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 27)
- + Bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 28)
- + Bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 28)
- + Bài tập 4 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 28)

- GV lưu ý:

- + Các nhóm thảo luận phần việc đã bốc thăm được.
- + Sau 5 phút thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm hoàn thành thành nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm học tập
- Các nhóm nhận xét, bổ sung để được ghi điểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức kiến thức.

– Sử dụng các từ ngữ có quy mô áp đảo, phạm vi bao quát: *không ai* (ý chỉ tất cả mọi người)

Bài tập 2.

a. Câu 1: phủ định vai trò “bảo hộ” của thực dân Pháp đối với nước Việt Nam (thực dân Pháp từng tuyên truyền rằng chúng đảm nhiệm sứ mệnh “bảo hộ” cho người Việt Nam. Trong ý phủ định, hàm chứa ý khẳng định: thực dân Pháp hoàn toàn không thực hiện được việc “bảo hộ” cho nhân dân Việt Nam mà chúng tự thừa nhận.

Câu 2, 3: khẳng định Việt Nam đã giành độc lập từ tay của phát xít Nhật; phủ định việc thực dân Pháp còn nắm quyền thống trị Việt Nam cho đến khi dân ta vùng dậy giành chính quyền.

b. Các từ khoá: *sự thực, không phải*. Vì đây là những từ ngữ được điệp đi điệp lại một cách có dụng ý, nếu thiếu chúng, ý phủ định, đồng thời là khẳng định của đoạn văn không còn rõ rệt và không gây được ấn tượng mạnh với người đọc.

Bài tập 3.

– Các danh từ, cụm danh từ, đại từ đã được Hồ Chí Minh sử dụng trong *Tuyên ngôn Độc lập* để chỉ thực dân Pháp: *bọn thực dân, chúng, Pháp, người Pháp*.

– Từ được sử dụng nhiều nhất: “*chúng*”, việc sử dụng từ ngữ này đã làm tăng tính phủ định của một số luận điểm trong văn bản, nhằm thể hiện thái độ khinh bỉ, coi thường công khai đối với thực dân Pháp cùng với luận điệu “bảo hộ” xảo trá của chúng và phủ định ơn huệ của thực dân Pháp với Việt Nam mà chúng chỉ đang xâm chiếm, bóc lột nhân dân ta.

Bài tập 4. HS liệt kê được ít nhất 5 từ ngữ cho một cột và đưa ra nhận xét về hiệu quả biểu đạt.

Từ ngữ có ý nghĩa khẳng định	Từ ngữ có ý nghĩa phủ định
<i>mọi người, tất cả, toàn dân Việt Nam, không ai, không thể chối cãi, luôn luôn, sự thực là, ...</i> Nhận xét: Khẳng định nền độc lập của dân tộc Việt Nam là tất yếu.	<i>không phải, tuyệt đối, không, trái hẳn, bọn, chúng, ...</i> Nhận xét: Phủ định vai trò “bảo hộ” của thực dân Pháp đối với đất nước Việt Nam.

Bài tập 5: Một số dẫn chứng cho thấy tác giả đã sử dụng một số biện pháp phù hợp làm tăng tính khẳng định, phủ định của văn bản:

*** NV2: Thực hiện BT5 (tr. 28)**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

-HS hoạt động cá nhân hoàn thành BT5 theo bảng sau:

Tác phẩm	Sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định	Sử dụng biện pháp làm tăng tính phủ định
<i>Nhìn về vốn văn hoá dân tộc</i>		
<i>Năng lực sáng tạo</i>		
<i>Mấy ý nghĩ về thơ</i>		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm hoàn thành thành nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm học tập

- Các nhóm nhận xét, bổ sung để được ghi điểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức kiến thức.

Tác phẩm	Sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định	Sử dụng biện pháp làm tăng tính phủ định
<i>Nhìn về vốn văn hoá dân tộc</i>	- Sử dụng những từ ngữ thể hiện quy mô áp đảo, phạm vi bao quát: <i>Tất cả đều hướng vào cái đẹp dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng và có quy mô vừa phải.</i> - Sử dụng các từ ngữ mang ý nghĩa khẳng định: <i>Những cái vừa nói là cái đã lắng đọng, đã ổn định, chắc chắn là kết quả của sự dung hợp của cái vốn có, của văn hoá Phật giáo, văn hoá Nho giáo, cái được dân tộc sàng lọc, tinh luyện để thành bản sắc của mình.</i>	- Sử dụng các từ mang nghĩa phủ định: + <i>Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hoá của ta đồ sộ,...</i> + <i>Không có các công kiến trúc nào, kể cả vua chúa, nhằm vào sự vĩnh viễn</i> - Sử dụng kiểu câu hỏi mang ý nghi ngờ, chất vấn: + <i>Phải chăng, đó là kết quả của ý thức lâu đời về sự nhỏ yếu, về thực tế nhiều khó khăn, bất trắc?</i>
<i>Năng lực sáng tạo</i>	- Sử dụng kiểu câu cầu khiến: + <i>...hãy mở rộng điều mà mình quan tâm để có thêm nhiều nhận thức mới; hãy tìm kiếm các mối quan hệ liên kết...; từ bỏ những thói quen...;</i> - Sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ nhằm nhấn mạnh ý khẳng định:	- Sử dụng từ ngữ biểu thị ý nghĩa hạn chế: <i>Khó tìm thấy một định nghĩa rõ ràng nào cho khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo.</i>

		+ Năng lực sáng tạo là vấn đề hưng vong của quốc gia, đất nước; nó cũng là vấn đề thành bại của mỗi tổ chức, doanh nghiệp; và cũng là vấn đề sống còn của các cá nhân	
	Mấy ý nghĩ về thơ	- Sử dụng từ mang nghĩa khẳng định: <i>Nhưng kì thực, ...</i> - Sử dụng kiểu câu cầu khiến, thể hiện ý khẳng định: + <i>Thơ phải có tư tưởng, có ý thức, ...</i> + <i>Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác ngoài ý niệm...</i>	- Sử dụng từ ngữ mang ý phủ định: + <i>Từ trước đến nay đã có nhiều định nghĩa về thơ nhưng lời định nghĩa nào cũng vẫn không đủ</i> + <i>Không có sự lí luận nào bằng sự thử thách của thực tại.</i> - Sử dụng kiểu câu hỏi thể hiện ý nghi ngờ, chất vấn: + <i>Tiếng Việt Nam có đứng riêng hẳn như thế không? Thơ Việt Nam có thể bỏ vần mà vẫn Việt Nam hay không?</i>

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: HS vận dụng được một cách sáng tạo các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định khi viết VB nghị luận.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn hoặc bài văn nghị luận theo chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng một biện pháp làm tăng tính khẳng định hoặc phủ định. Chỉ ra và phân tích hiệu quả của những biện pháp này.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân khoảng 10 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS đọc sản phẩm trước lớp.
- GV phân công nhóm đánh giá chéo dựa vào Rubric.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt hoặc cho điểm HS căn cứ Rubric và hướng dẫn HS tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn.	3.0
Nội dung	Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng ít nhất 01 một biện pháp làm tăng tính khẳng định hoặc phủ định (lưu ý gạch chân biện pháp được sử dụng và ghi chú).	
	Giới thiệu được chủ đề của đoạn văn.	1.0
	Các câu trong đoạn đều tập trung làm rõ chủ đề.	2.0
	Sử dụng một biện pháp làm tăng tính khẳng định hoặc phủ định	2.0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt.	1.0
Sáng tạo	Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về chủ đề; có cách diễn đạt mới mẻ.	1.0

Đoạn văn tham khảo

Máy tính đóng vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của con người, từ công việc tới giải trí. Máy tính giúp con người tăng năng suất công việc và trở thành một phần không thể thiếu với cuộc sống con người. Ngày nay, công việc văn phòng trở nên gọn nhẹ hơn rất nhiều khi sử dụng máy tính để soạn thảo, lưu trữ tập tin rõ ràng trong máy tính, chỉ cần vài click chuột là bạn có thể dễ dàng tìm kiếm, sửa chữa những tài liệu mà mình cần. Với sự trợ giúp của máy tính, các kỹ sư có thể dễ dàng có được những bản vẽ, có mô hình tổng quan nhất về mô hình mà mình đang thực hiện. Các phần mềm hỗ trợ được cài đặt trên máy tính giúp cho các kỹ sư có những kết quả tối ưu nhất cho bản vẽ của mình. Nhờ có máy tính, một công ty có thể quản lý được hàng nghìn bộ hồ sơ của nhân viên, cả các trường học cũng vậy. Máy tính còn đóng một vai trò quan trọng trong giải trí, chúng ta thường mở máy tính xem phim, nghe nhạc hay đọc báo. Với nhiều người máy tính là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của họ. Tóm lại, không ai có thể phủ nhận được lợi ích của máy tính hiện nay khi nó được phổ biến trong tất cả các ngành nghề.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Tìm đọc thêm một số văn bản nghị luận sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định.

- Hoàn thành viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, có sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định.
- **Chuẩn bị bài:** Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 63,64 VIẾT

VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (05 phút)

- Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.
- Nội dung hoạt động:** HS xem video, ngữ liệu bài học, trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.
- Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em hãy xem video sau và cho cô biết nội dung của video là gì? https://youtu.be/6Cf7kZ7tgs4 Bước 2+3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo - Học sinh xem video, trả lời câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV chốt vấn đề, dẫn dắt vào bài học: + Video nói về Dự án khởi nghiệp xanh của học sinh Văn Giang. + Quá trình thực hiện Dự án đó phải trải qua nhiều giai đoạn. Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án thuộc giai đoạn kết thúc dự án học tập. Và cũng là một khâu quan trọng. Vậy nội dung của bản báo cáo được viết như thế nào? Đề cương của bản báo cáo ra sao? Cô trò chúng ta sẽ đến với bài học hôm nay! Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án.	- Câu trả lời của HS.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (10 phút)

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

- Mục tiêu:** HS hiểu được mục đích, các bước thực hiện của quá trình viết báo cáo dự án.
- Nội dung hoạt động:** HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ.
- Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.
- Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân - GV giao nhiệm vụ: Đọc mục <i>Yêu cầu</i> trong sgk, tr.29, kết hợp với sự hiểu biết của bản	1. Khái niệm, yêu cầu của bài viết báo cáo kết quả của bài tập dự án 1. Khái niệm Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án là nêu lên

thân, trả lời câu hỏi: Viết báo cáo bài tập dự án là gì? Viết báo cáo bài tập dự án cần đảm bảo những yêu cầu nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân, trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 1 -2 HS trả lời, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	những kết quả thực hiện nhiệm vụ trong một dự án học tập đã được giao dưới hình thức một báo cáo. 2. Yêu cầu + Xác định rõ nội dung của bài tập dự án và mục đích thực hiện bài tập dự án. + Trình bày khái quát các yếu tố chính chi phối việc thực hiện thành công bài tập dự án. + Miêu tả và tự đánh giá được những kết quả nổi bật của bài tập dự án, có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp. + Đề xuất được hướng sử dụng hợp lý kết quả của bài tập dự án. + Nêu được ý nghĩa của việc thực hiện bài tập dự án đối với bản thân.
---	---

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

- Mục tiêu:** HS phân tích được cấu trúc của bài viết báo cáo kết quả của bài tập dự án, nội dung, cách sử dụng phương tiện của bài viết báo cáo kết quả của bài tập dự án.
- Nội dung hoạt động:** GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.
- Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.
- Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc bài viết tham khảo theo các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản. - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: 1. Nhận xét về cấu trúc của văn bản báo cáo được dùng làm bài viết tham khảo trên. Có nên xem kiểu cấu trúc này là một mô hình cần được áp dụng phổ biến hay không? 2. Trong văn bản, nội dung nào đã được ưu tiên trình bày? Sự ưu tiên đó đã hợp lý chưa? 3. Theo em văn bản, có điều gì cần điều chỉnh, bổ sung? Vì sao? 4. Nếu có yêu cầu văn bản báo cáo phải sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ, em sẽ gợi ý cho người viết báo cáo xử lý vấn đề này như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	II. Phân tích bài viết tham khảo Đọc bài viết tham khảo (sgk, tr.29, 30, 31, 32) và thực hiện các yêu cầu: (1) - Nhận xét: cấu trúc của văn bản báo cáo được dùng làm bài viết tham khảo: được trình bày theo các đề mục lớn, nhỏ một cách rõ ràng, khoa học. - Cấu trúc trên không thuộc loại thể thức cố định, mặc dù nó có thể được áp dụng phần lớn trường hợp viết báo cáo của bài tập dự án. (2) Trong văn bản, nội dung được ưu tiên trình bày là: <i>Kết quả chính của bài tập dự án</i> => Sự ưu tiên này là hợp lý vì đây là mục đích chính của bản báo cáo - báo cáo kết quả thực hiện bài tập dự án. (3) Cần điều chỉnh, bổ sung: - Tính mới, tính sáng tạo của dự án. - Minh họa cụ thể có một số kết quả đạt được của dự án. (4) Có thể sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: - Tranh ảnh. - Sơ đồ minh họa. - Bảng biểu.

- HS nối tiếp nhau đọc văn bản. - Thảo luận cặp đôi 4 câu hỏi SGK khoảng 5 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (30 phút)

a. Mục tiêu:

-HS nắm vững các bước thực hành và biết viết báo cáo kết quả của bài tập dự án

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN				SẢN PHẨM																	
Thao tác 1. Thực hành viết báo cáo về kết quả của bài tập dự án				III. Thực hành viết																	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ				1. Bước 1. Chuẩn bị viết																	
- GV nêu vấn đề: Các em tiếp tục thực hiện theo bản nhiệm vụ sau:				- Đề tài dự án có thể do GV đưa ra hoặc do chính HS tự đề xuất.																	
1. Đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:				- Đọc kĩ đề, tập hợp thông tin và kết quả thực hiện bài tập dự án từ các thành viên.																	
- Một số gợi ý: sgk trang 33.				2. Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý																	
Các bước	Nội dung			<table><tr><td>Tìm ý</td><td colspan="2">- Tên và mục tiêu của dự án; nội dung bài tập dự án; mức độ cần thiết của bài tập dự án</td></tr><tr><td rowspan="4">Tìm ý và lập dàn ý</td><td>Tìm ý</td><td rowspan="4">- Các bước triển khai bài tập dự án, sự phân công công việc cho các (nếu bài tập dự án do nhóm thực hiện); kế hoạch nghiệm thu kết quả ở từng bước.</td></tr><tr><td>Lập dàn ý</td><td>MB</td></tr><tr><td>TB</td></tr><tr><td>KB</td></tr><tr><td>Viết</td><td colspan="2"></td></tr><tr><td>Kiểm tra và chỉnh sửa</td><td colspan="2"></td></tr></table>		Tìm ý	- Tên và mục tiêu của dự án; nội dung bài tập dự án; mức độ cần thiết của bài tập dự án		Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	- Các bước triển khai bài tập dự án, sự phân công công việc cho các (nếu bài tập dự án do nhóm thực hiện); kế hoạch nghiệm thu kết quả ở từng bước.	Lập dàn ý	MB	TB	KB	Viết			Kiểm tra và chỉnh sửa		
Tìm ý	- Tên và mục tiêu của dự án; nội dung bài tập dự án; mức độ cần thiết của bài tập dự án																				
Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	- Các bước triển khai bài tập dự án, sự phân công công việc cho các (nếu bài tập dự án do nhóm thực hiện); kế hoạch nghiệm thu kết quả ở từng bước.																			
	Lập dàn ý		MB																		
	TB																				
	KB																				
Viết																					
Kiểm tra và chỉnh sửa																					
Chuẩn bị																					
Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý																				
	Lập dàn ý	MB																			
	TB																				
	KB																				
Viết																					
Kiểm tra và chỉnh sửa																					
2. Xây dựng một bảng kiểm đánh giá bài báo cáo				Lập dàn ý																	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ				Phân mở đầu																	
HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn				- Các thông tin chung: tên dự án; nhóm thực hiện.																	
Bước 3: Báo cáo, thảo luận				- Mục tiêu và nội dung dự án.																	
- HS chia sẻ câu trả lời.																					
- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.																					

Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét dựa vào bảng kiểm - Chốt kiến thức.	Phần nội dung	Kết quả thực hiện dự án + Sản phẩm 1 + Sản phẩm 2 ...
	Phần kết luận	- Tự đánh giá kết quả thực hiện bài tập dự án. - Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

3. Bước 3: Viết
Đề bài: HS chọn một trong những đề tài gợi ý ở sgk trang 33 hoặc tự đề xuất.
 - Cần bám vào dàn ý để viết. Các phần các đoạn trình bày tác bạch
 - Sử dụng ngôn ngữ khách quan cho báo cáo
 - Luôn quan tâm đến vấn đề bản quyền khi sử dụng tài liệu.

4. Bước 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện
 - Kiểm tra lại bài viết theo *Bảng kiểm đối chiếu bài báo cáo*

Phụ lục: Bảng kiểm đối chiếu bài báo cáo

Phương diện KT, ĐG	Yêu cầu cụ thể	Đã có	Chưa có
Nội dung	Phần mở đầu: - Các thông tin chung: tên dự án; nhóm thực hiện. - Mục tiêu và nội dung dự án.		
	Phần nội dung: - Giới thiệu cụ thể về số lượng, nội dung, đánh giá theo từng sản phẩm. - Hình ảnh minh họa và lời thuyết minh.		
	Phần kết luận: - Nội dung tự đánh giá. - Kiến nghị.		
Hình thức bản báo cáo	- Đã có đủ ba phần và nội dung các phần có cân đối không? - Đã có sự hài hoà giữa kênh hình và kênh chữ? - Bài báo cáo còn mắc những lỗi gì?	Câu trả lời	
Đánh giá chung	- Bài báo cáo đáp ứng yêu cầu mức độ nào? - Bản thân em thấy hứng thú hoặc khó khăn nào nhất trong quá trình thực hành viết? Tại sao?		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học hoàn thành nội dung phần thực hành viết.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.

GV yêu cầu:

- HS tiếp tục dựa vào dàn ý và viết tiếp bài văn (ở nhà)
- Trình bày bài viết ở tiết Viết tiếp theo.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp tục viết bài theo dàn ý đã lập (ở nhà).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn HS nộp bài qua nhóm lớp.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt – Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.

RÚT KINH NGHIỆM

Tiết 65, 66

NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài trình bày

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi: https://youtu.be/58FwsZfsBj8 - Đoạn video nói về điều gì? - Theo em, để có trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, em cần lưu ý những điều gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	HS thể hiện quan điểm cá nhân

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25 phút)

- a. **Mục tiêu:** HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.
- b. **Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe.
- c. **Sản phẩm:** Bài thảo luận đúng yêu cầu và quy trình.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Đọc SGK tr.34 và trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi sau: - Thế nào là trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án? - Khi trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, cần đảm bảo những yêu cầu gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	I. Khái niệm và yêu cầu của bài nói và nghe 1. Khái niệm Trình bày báo cáo kết quả dự án là sử dụng ngôn ngữ kết hợp với phương tiện như hình ảnh, âm thanh, bản trình chiếu, hành động, cử chỉ, ... để báo cáo tóm tắt những kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong dự án học tập. 2. Yêu cầu - Nêu tên của bài tập dự án và người thực hiện (cá nhân hoặc nhóm). - Trình bày được thông tin cơ bản về quá trình thực hiện bài tập dự án với các bước cụ thể. - Làm nổi bật được các kết quả chính thể hiện đóng góp riêng của người thực hiện bài tập dự án, kèm theo các minh chứng chọn lọc được trình bày bằng các hình thức, phương tiện phù hợp. - Gọi mở được hướng sử dụng kết quả bài tập dự án và nêu các công việc cần tiếp tục thực hiện có liên quan đến bài tập dự án. - Rút ra được bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện bài tập dự án.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

- a. **Mục tiêu:** HS biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án.
- b. **Nội dung:** HS trình bày bài giới thiệu. HS khác lắng nghe, trao đổi.
- c. **Sản phẩm:** Bài thuyết trình, các câu hỏi, ý kiến nhận xét của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. Thao tác 1. Tìm hiểu các bước tiến hành trình bày báo cáo Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Đọc SGK tr.35 và trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi sau: - Quá trình trình bày bản báo cáo gồm có mấy	II. THỰC HÀNH 1. Các bước tiến hành thực hành trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án a. Bước 1: Chuẩn bị nói - Lựa chọn đề tài. Đề tài bài nói cũng là đề tài của báo cáo kết quả bài tập dự án đã hoàn thành yêu cầu ở phần <i>Viết</i>

bước?

- Nêu cụ thể nội dung trong từng bước

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

- Tìm ý và sắp xếp ý

Xem lại dàn ý đã nêu ở phần Viết và bổ sung các ý cho phù hợp với đối tượng, yêu cầu, thời gian, điều kiện trình bày báo cáo.

b. Bước 2. Thực hành nói

Yêu cầu của người nói, người nghe

Người nói	Người nghe
- Nội dung trình bày: + Trình bày bài giới thiệu theo dàn ý đã chuẩn bị + Tập trung vào trọng tâm, trình bày lo gích, có lí lẽ và bằng chứng. - Hình thức trình bày + Bài trình bày có đầy đủ ba phần. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ, các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. + Có sự sáng tạo khi trình bày. - Tác phong, thái độ khi trình bày: + Tự tin, thân thiện + Trình bày và diễn đạt hấp dẫn. + Tốc độ nói vừa phải, có ngữ điệu phù hợp, đảm bảo yêu cầu về thời gian.	- Tập trung lắng nghe; hiểu được những nội dung chính và quan điểm của người nói. - Ghi lại các thông tin chính và những nhận xét, đánh giá về nội dung, cách thức và tình cảm, thái độ của người thuyết trình. - Nêu các vấn đề cần hỏi, các ý kiến cần trao đổi về nội dung bài nói một cách ngắn gọn, rõ ràng,...; có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung trình bày. - Tôn trọng người thuyết trình; sử dụng yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người thuyết trình.

c. Bước 3; Trao đổi, đánh giá

Người nghe	Người nói
- Nêu nhận xét về	- Tiếp nhận một

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu nhiệm vụ cho HS:

- Yêu cầu: Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án đã thực hiện ở phần “Viết”, trong đó có sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp.
- Mỗi nhóm trao đổi và cử 1 đại diện

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc theo nhóm, kiểm tra lại phần trình bày và phương tiện hỗ trợ.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV chọn 01 đại diện lên trình bày trước lớp
- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ nói và nghe.
- GV hướng dẫn HS dưới lớp theo dõi và đánh giá người nói (Phiếu đánh giá)

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét phần trình bày, phần trao đổi của người nói và người nghe.
- Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của bài trình bày kết quả của bài tập dự án để HS rút kinh nghiệm.

nội dung bài nói, cách thể hiện bài nói, có đối chiếu với kết quả thực tế của việc thực hiện bài tập dự án.

- Đặt các câu hỏi cần thiết về việc thực hiện bài tập dự án.
- Đề xuất các hướng thực hiện khác, mang tính khả thi đối với bài tập dự án, giúp cho người thực hiện rút kinh nghiệm về sau.
- Gợi ý hướng sử dụng kết quả bài tập dự án vào hoạt động học tập (tiếp nối ý có thể đã được người nói đề cập)

cách tích cực các ý kiến phản hồi, góp ý.

- Làm rõ một số vấn đề còn khiến người nghe băn khoăn, thắc mắc.
- Mở rộng thêm ý nói về vấn đề rút kinh nghiệm sau khi thực hiện một bài tập dự án.

2. Thực hành trình bày

Bài tập: Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án đã thực hiện ở phần “Viết”, trong đó có sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp

Gợi ý:

BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN SỨC MẠNH CỦA TIẾNG CƯỜI QUA CÁC TÁC PHẨM HÀI KỊCH

**Người thực hiện: Nhóm 2 lớp 12A trường
THPT B**

Nhóm trưởng: Trần Văn A

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Yêu cầu của bài tập dự án: Sức mạnh của tiếng cười qua các tác phẩm hài kịch

2. Thời gian thực hiện: 3 tuần (từ...đến)

3. Xác định các công việc cụ thể

- Suưu tầm các văn bản hài kịch nổi tiếng.
- Tìm hiểu và đọc một số tác phẩm hài kịch nổi tiếng
- Phân tích về vai trò của tiếng cười qua một số tác phẩm hài kịch nổi tiếng
- Đưa ra nhận xét, đánh giá về vai trò của tiếng cười.
- Tổ chức các tài liệu sưu tầm và tự làm một sản phẩm hoàn chỉnh

4. Phân công công việc

Các thành viên trong nhóm đã đăng kí thực hiện những công việc hợp sở trường của bản thân và tham gia với những mức độ khác nhau vào các công việc khác.

II. KẾT QUẢ CHÍNH CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

1. Sản phẩm 1: Bộ sưu tập các văn bản hài kịch

- Số lượng: 05 tác phẩm
- Nội dung của sản phẩm: Các văn bản:
 - + Văn bản *Bệnh sĩ* của tác giả Lưu Quang Vũ
 - + Văn bản *Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ* của nhà văn Shakespeare
 - + Văn bản *Quan thanh tra* của nhà văn Gogol.
 - + Văn bản *Lão hà tiện* của nhà văn Molie
 - + Văn bản *Mùa hè ở biển* của Xuân Trinh
- Ảnh chụp các văn bản:



- Tự đánh giá sản phẩm: Số lượng nhiều, phong

phú. Là các văn bản hài kịch tiêu biểu, xuất sắc.

2. Sản phẩm 2: Bài phân tích, đánh giá vai trò, ý nghĩa của tiếng cười trong văn bản hài kịch

+ Số lượng: 01 bài

+ Nội dung của sản phẩm: Phân tích, đánh giá vai trò, ý nghĩa của tiếng cười trong văn bản hài kịch *Quan thanh tra*

++ Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa lớn đối với đời sống của con người bởi tiếng cười trong hài kịch là lấy từ những câu chuyện của cuộc sống. Với những phẩm chất đa dạng của hiện thực là các sắc thái khác nhau của tiếng cười. Đó có thể là tiếng cười châm biếm, đả kích, giễu cợt, cái cười vui đối với xã hội. Quan trọng hơn cả, tiếng cười trong hài kịch là một phương tiện để truyền tải, phê phán mặt xấu của xã hội, đó là hình thức phê phán đặc biệt và khẳng định cái mới, cái tốt đẹp. Từ đó, giúp thay đổi nhận thức, tư tưởng của con người giúp chúng ta hướng tới những thứ tốt đẹp hơn.

++ Tiếng cười trong *Quan thanh tra* phản ánh, phê phán các thói hư tật xấu của con người trong xã hội qua hình tượng nhân vật: Khlét-xa-cốp, thị trưởng, chánh án,...

++ Qua tiếng cười ấy, nhà văn muốn khán giả nhìn nhận vào chính bản thân mình, nhìn vào con người bên trong thật sự của chính mình, đưa ra lời cảnh báo cho khán giả về lối sống trống rỗng, không có ý nghĩa hiện tại.

++ Tiếng cười trong *Quan thanh tra* của Gogol đã chỉ ra con đường khai sáng với nhận thức bản thân mỗi người và tiếng cười hài kịch ấy sẽ sống mãi trong lòng mỗi độc giả.

+ Ảnh chụp bài viết

+ Tự đánh giá sản phẩm: Sản phẩm ít. Nội dung sản phẩm đã làm rõ vai trò, sức mạnh của tiếng cười trong thể loại hài kịch qua vở kịch *Quan Thanh Tra*.

III.VẤN ĐỀ SỬ DỤNG, LƯU TRỮ KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN

	- Kết quả bài tập dự án có thể được sử dụng vào nhiều thời điểm khác nhau với những mục đích khác nhau, tùy theo kế hoạch giáo dục và dạy học của nhà trường. - Người sử dụng có thể là cá nhân hoặc tập thể, việc sử dụng có thể diễn ra theo hình thức mượn tài liệu. - Kết quả của bài tập dự án có thể được lưu lại trong không gian riêng của lớp học hoặc trong thư viện nhà trường. IV.MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ VIỆC THỰC HIỆN BÀI TẬP DỰ ÁN - Các thành viên tham gia dự án đều tích cực, chủ động với nhiệm vụ được giao. - Tài liệu văn bản hài kịch chưa nhiều nên việc sưu tầm, đọc, tìm hiểu, phân tích còn gặp nhiều khó khăn; dự án lợi thế hơn với những bạn đọc - dịch được tài liệu bằng tiếng nước ngoài vì nguồn tài liệu này dồi dào hơn. - Dự án được thực hiện trong thời gian ngắn nên tập trung làm sáng tỏ sức mạnh của tiếng cười qua một tác phẩm cụ thể. Nếu có thời gian, nên chọn phân tích 2 - 3 tác phẩm cụ thể. V. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ - Tự đánh giá: Sản phẩm của dự án đã cung cấp đầy đủ về những thông tin, ý nghĩa của sức mạnh tiếng cười hài kịch. Từ đó, thấy được tầm quan trọng của tiếng cười hài kịch trong cuộc sống. - Kiến nghị: Không có Thay mặt nhóm thực hiện bài tập dự án Trần Văn A
--	---

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

S T T	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
	BÀI THUYẾT TRÌNH		

1	Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc.		
2	Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày.		
QUÁ TRÌNH NÓI			
3	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
4	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		
5	ĐÁNH GIÁ CHUNG - Những thành công và hạn chế của bài thuyết trình: - Hướng khắc phục, sửa chữa:		

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE			
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		
4	KIỂM TRA KẾT QUẢ NGHE - Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? - Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức giới thiệu một tác phẩm truyện? 		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: HS biết xây dựng một dự án học tập, biết viết bản báo cáo kết quả và biết trình bày báo cáo kết quả. Biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

b. Nội dung: Sáng tác video trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án *Sáng tác video giới thiệu các tác phẩm văn học yêu thích*.

c. Sản phẩm: Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.

- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:
- + Chọn 01 dự án và thực hiện dự án đó.
- + Viết bản báo cáo kết quả dự án đó.
- + Sáng tác 01 video trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận xét

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.
- Tự thực hành nói: Giới thiệu về dự án học tập bản thân đã tham gia.
- **Chuẩn bị bài:** Củng cố, mở rộng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....